

NĂM THỨ NĂM    Số 400. ĐUỐC-TUỆ    1<sup>er</sup> Janvier 1939

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>er</sup> VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc  
Chủnh hội trưởng hội Phật-giáo  
Quan-ly : Cung-dinh-Binh

Chủnh chủ-bút : Phan-chung-Thứ  
Sư cũ chùa Bằng-Số  
Phó chủ-bút : Dương-văn-Hiền  
Sư cũ chùa Tế-Cát

GIÁ BAO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

KÍNH TRÌNH CÁC GIÁO-HỮU VÀ  
THẬP-PHƯƠNG THIÊN-TÍN

Trước đây Hội có ủy M. Đoàn-văn-Tuyên đi thu tiền Hội. Nay M. Tuyên vì bận việc nhà xin từ chức kể từ ngày 1-12-1938.

Nên nay Hội giao việc thu tiền cho M. Đoàn-văn-Liệu để đi từng nhà các hội viên thu tiền nhập Hội và niên liễm. Vậy các Ngài thấy M. Liệu đem



biên thu tiền của Hội đến thu. Chân-dung M. Liệu thì xin cứ tin nhiệm mà giao tiền cho, và biên vào bảng thu tiền là : đã đóng tiền rồi.

Các hội viên qua lại Hội-quán trong khi lễ bái nếu muốn tiện đóng tiền thì cứ giao cho M. Phan-văn-Kế là thư-ký của Hội thu nhận, và lấy giấ; biên lại chnh ngay.

Những số tiền của Hội viên cùng góp sẽ do ban kế-toán vào sổ thu, rồi giao sang ông Tổng Thủ-quỹ Lê-Toại nhận giữ.

Vậy có mấy lời kính cáo, để các Ngài hội-viên điều biết.

**Ban Trị-sự Hội Phật-giáo Bắc-kỳ**  
**Kính đạt**

## GIẢI ĐÁP VẤN ĐỀ

## « SÔNG ĐÈ LÀM GÌ »

Đuốc-Tuệ tiếp được bức thư của ông Tịnh thủy ở Hải-dương gửi cho, trong thư ông Tịnh thủy có hỏi và yêu-cầu chúng tôi giải đáp lên báo - về vấn đề của ông là « Sông đê làm gì ». Chúng tôi chưa được hân-hạnh tiếp ông Tịnh-thủy lần nào, và cũng chưa được rõ ông là ai, nhưng cứ đọc đạo-hiệu và lời lẽ trong thư thì biết ông cũng là một giáo-hữu và một bạn đọc-giả trong Đuốc-Tuệ của chúng tôi. Đối với cái ý chân-thành hỏi đạo của ông, chúng tôi xin thành-thực giải-đáp :

## « Sông đê làm gì ? »

Thưa ông Tịnh-thủy, ông đã lấy đạo hiệu là « Tịnh-thủy » thì ông cũng là người hiểu về đạo lý lắm rồi. Trước khi viết cái vấn đề này hỏi Đuốc-Tuệ, chúng tôi biết ông tất đã băn khoăn về nó nhiều, suy nghĩ và ngậm ngùi về nó nhiều, mà ông cũng đã tìm ra được câu giả lời cho nó rồi. « Sông đê làm gì ». hỏi chúng tôi chỉ là để ông tham rộng ý-kiến mà định đoạt cho câu giả lời của mình mà thôi. Nghĩ như thế chúng tôi càng lấy làm trân trọng đem sở kiến ngộ cùng ông bạn đồng đạo biết nhau ở trên tờ báo.

Thực thế, « Sông đê làm gì » là một vấn đề lớn lao cần thiết cho nhân-sinh mà ai nấy đều phải tự mình giải đáp cho mình. Có giải đáp xong và giải đáp có hợp với lẽ chân thường về nhân sinh thì cái sống của mình mới yên ổn, có thú vị mà sinh ra tinh tiến. Trái lại mà giải-đáp sai đường sai nơi lẽ chân thường của nó thì cái sống của mình tự thấy bối rối, vô-thủ-vụ và sinh ra thói súc, vạn sự đều tan như nước, tụp như do (tro).

Bởi lẽ đó, thì trước khi muốn biết người ta sống để làm gì, ta phải phân biệt cái sống của loài người khác với cái sống của loài vật. Tuy Phật có cho loài người với loài vật là bình đẳng với nhau ở chỗ Phật tinh phú bẩm nhưng vị thứ trong « lục đạo », người bị đọa thì xuống làm cầm thú, cầm thú được thăng thì lên làm người, thế là loài người ở vào cái vị thứ trên loài vật, ở chỗ loài người là giống khôn-thiênng khác với loài vật. Loài người đã là giống khôn-thiênng khác với loài vật thì cái sống của loài người, lẽ tất-nhiên là khác hẳn với cái sống của loài vật. Nghĩ là loài vật nó chỉ biết sống cho lộn đủ cái luật sinh-tồn, tự-nhiên bất buộc mà thôi, ngoài ra nó không còn biết và không làm được cái gì hơn, cho nên từ vô thủy đến nay nó chỉ sống một cách tự-nhiên như thế. Còn như loài người thì ngoài cái sống bởi luật sinh-tồn tự-nhiên bất buộc ra, nhờ có trí-luệ, có năng-lực của cái giống khôn-thiênng, loài người tự làm được cho mình ngày càng tiến-hóa, cho sẽ tới một một cái chốn lộn tốt lộn lành. Bởi thế cho nên cái sống của loài người là ai nấy đều phải theo về hai phương-diện mà hành-động. Tức là phương-diện hiện tại và phương-diện tương-lai,

a) Phương-diện hiện-tại tức là phương-diện luân-lý tức như câu thơ của Thi-hào Việt-nam Nguyễn-công-Chừ:

« Đã đem thân đứng trong trời đất,

« Phải có danh gì với núi sông »

Danh gì, chính là những cái danh « làm con hiếu với nhà, làm dân trung với nước, làm người quân tử; làm đấng nhân-nhân với xã-hội, với loài người và loài vật mà các thánh triết thế gian đã dạy, mà trong kinh Phật thì gọi là đạo « Tứ-án đó. Ở đời sinh sáu ơn nặng phải biết báo đền, người ta đều phải tùy chỗ sở năng của mình mà làm cho toàn vẹn

mới sáng đáng là người đứng ở trong trời đất. Với cái đời hiện-thế, thì Phật với thánh-triết cũng nói về nghĩa luân-lý giống nhau như thế. Song như cái câu thơ trên nếu có người hỏi lại rằng :

Vì sao mà đem nhân ra đứng trong trời đất làm gì ? Lại đứng trong trời đất đấy nhưng chẳng danh gì với núi sông thì đã làm sao ? Hay là có danh mà là cai danh ô-uế với núi sông tức là « làm con bất-hiểu, làm dân bất trung, làm kẻ bất-nghĩa, bất-nhân với xã-hội với loài người loài vật mà nhiều khi pháp-luật hiện-thế không làm gì được, thì đã làm sao ?

Hỏi như thế tất nhà học giả hiện-thế quan không thể nào trả lời được. Mà không trả lời được thì cái nghĩa sống vì luân lý cũng vẫn chưa viên mãn. Cho được bổ túc cái nghĩa luân lý ấy được viên mãn cứu cánh ta phải bằng vào thuyết của Phật mới được. Thuyết của Phật chính là dạy về cái sống lại sinh vậy.

b) Phương diện lại sinh tức phương diện công đức. Phật nói cái sống của người ta không phải chỉ sửn sửn có một đời nay. Nó có ba đời tiếp tục và car-liên là quá khứ hiện tại và tương lai. Ấy là cái lẽ sinh tử luân hồi trong « lục đạo ». Theo lẽ luân hồi thì cõi nhân sinh chính là cõi dễ ta tu tiến. Siêu-thăng hay là đọa lạc cũng do từ đây. Cái quả hiện tại giờ hay hay dành bởi cái nhân của mình tự tạo từ quá khứ, nhưng cái nhân quả về tương lai hay hay giờ lại cũng bởi ta tự tạo ở bây giờ. Cái đời liên tiếp bất-tuyệt của ta tại đây, hay thì lên, hèn thì xa, ta có thể tự tin ở ta được. Luật báo ứng đã chỉ rõ danh danh, siêu thăng là vì công đức, đọa lạc là vì tội lỗi. Công đức và tội lỗi đều do sự ta thực-hành ở hiện tại, như câu thơ của Nguyễn công-Chữ trên ấy, danh gì với núi sông ấy là việc công đức mình đã thực hành mà có danh « con hiền, dân trung, quân tử, nhân-nhân vậy. Mà trái lại cái danh ô-uế tức là những tội lỗi mà mình đã tạo tác nên

« bất hiếu, bất trung, bất nhân, bất nghĩa, đó ». Tráp lý đó, ta có thể giả lời ngay mấy câu hỏi vặn trong hai câu thơ của Thi hào Nguyễn công Chử được rằng :  
 Đem thân đứng trong trời đất là bởi tiền-nhân, phải có danh gì với núi sông là vì hậu-quả. Như thế không đời ai khuyển, ta cũng phải làm luân lý lập công đức, không ai biết, ta cũng phải trả tội lỗi. Ta làm là vì ta, ta sống là vì ta cả mà thôi.

Đến đây tôi có thể kết-thúc hai phương-diện về đời sống của người ta mà trả lời vấn đề « Sống để làm gì » của Tịnh thủy rằng :

Sống để làm luân-lý với hiện tại mà lập công-đức cho tương lai.

Quảng tràng-Thiệt Cư-si

**XIN ĐĂNG LỤC BỨC THƯ  
 CỦA ÔNG TỊNH THỦY NHƯ SAU NÀY :**

Haidương, le 27 - 10 - 1938

Kính bạch các bậc thiện tri thức Tòa-soạn  
 Đuốc-tuệ Hanoi

Thưa các ngài,

Tôi tài hèn tri mọn. sống trong cuộc đời u u mình mình-như ech ngồi đáy giếng, chẳng hiểu cuộc đời « sống để làm gì ? »

Bỗng gặp báo Đuốc-tuệ ra đời, bụng đã khắp khởi mừng thầm. như sấm vỡ được gậy ; lò trặc có các ngài cao minh, cầm bó đuốc sáng láng soi rọi cho biết con đường đời. Nhưng than ôi ! chướng cơn thâm tuệ còn thiển chưa tự biện được câu hỏi trên kia.

Vậy xin các ngài giữ trách nhiệm tự giác, giác tha, hoằng dương Phật pháp. các ngài từ bi lân mẫn. chỉ

giáo lên từ Đuốc tuệ cho tôi được rõ cái thuyết « Sống để làm gì ?? » thì công đức vô lượng và chức trách của các ngài thực là xứng đáng với hai chữ Đuốc-tuệ, khiến cho tôi và bao nhiêu người như tôi được nhờ công đức

A-di-đà Phật

Tịnh - Thủy

### Vô Tỷ Pháp Abhidarma

Trong ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng, thì Pháp là quý nhất; nhưng mà pháp thể dẫu quý, nếu không có người theo Pháp mà tu cho thành Pháp quả, thì cũng chẳng quý.

Ví như một vị thuốc chữa mắt rất hay, nếu không có ai, dẫu mắt bị đau cay, uống thuốc ấy vào cho sáng mắt ra thì vị thuốc hay ấy cũng không có giá trị. Người uống thuốc được tôn sùng hơn thuốc, là vì đã chịu đắng cay làm cho thuốc thành hiệu quả hiển nhiên và đã cứu được vô số người đồng bệnh.

Bởi thế cho nên người theo Pháp tu hành, đến khi thành Phật, thì Phật được tôn sùng lên trên Pháp; trong khi còn đang theo pháp tu hành, thì ở dưới Pháp tức là Tăng. Theo nghĩa lục hòa thì chữ « Tăng » gồm cả thất chúng; thất chúng là bầy hạng người đã quy y Pháp, có cơ đều thành Phật đạo. Ta thường tưởng rằng chữ Tăng chỉ là ngũ chúng suốt giá là thanh văn Tăng mà thôi thì nhầm; đây liệt thêm hai hạng chân tu cư sĩ vào cho trọn nghĩa. Cư sĩ là người tu tại gia theo Pháp Đại thừa gọi là Bồ-tát-Tăng; nhiều vị tu thành Bồ tát, như ông Duy-ma-Cật, ông Bàng-Cư sĩ và con gái của ông đều là bậc thuyết pháp độ sinh có biệt tài.

Thập phương Tam thế chư Phật đều phải theo Pháp mà tu mới thành Phật; vì Pháp có công đức hóa sinh ra chư Phật, cho nên Pháp vẫn là tôn quý nhất.

Pháp ấy đem lên luận đàn, các nhà đại-luận-sư ở thế giới này gia công gắng sức mà nghiên chân hạch nguy hiểm chính tối tà. Đem hết vạn pháp ở thế gian mà so sánh, không có Pháp nào phá nổi, không có pháp nào sánh kịp, cho nên gọi là vô tỷ Pháp chính tiếng Phạm là Abhidharma, chữ Hán dịch là A tỷ đạt ma hay là A tỷ đàm.

Loài người ta nay được nghe pháp ấy, là nhờ có Thái Tử-Tất Đạt Đa, giòng họ Thích ca mâu ni, năm 19 tuổi hy sinh thân thế, đượng thời an phủ tôn vinh, suốt gia tu hành khổ hạnh trong mười một năm, đến năm 30 tuổi thành Phật.

Ngài đem Pháp ấy đi giảng khắp cả trên cõi trời cho xuống đến cõi trần, trong 49 năm, hóa độ cho vô số chúng sinh được thành Phật đạo.

Khi Phật Thích-ca diệt độ rồi, các đệ tử đem pháp ấy chép thành ba kho sách gọi là Kinh, Luật, luận, tam tạng thánh giáo. Những sách ấy trải qua mấy ngàn năm dâu bể, đã thất lạc nhiều; nhưng vẫn còn đủ cho ta ngày nay nghiên cứu tu trì được thành chánh quả.

Hiện nay Pháp vẫn còn mà người tu trì rất hiếm; vì như thuốc đau mắt thần hiệu có sẵn đấy, mà người đau mắt chỉ làm quảng cáo ầm lên rằng, thuốc rất hay, rút cục không ai chịu dùng cay mà uống cũ, thì biết đến kiếp nào cho sáng mắt ra và cứu vớt được người đồng bệnh.

Nếu biết rằng Pháp ấy cần phải có người thân tiến thực hành, thì mới có hiệu quả đặng tôn quý. Nay muốn đem Pháp ấy truyền bá khắp thế gian để tế độ cho quần chúng, thì cần phải có ai tu luyện cho thành tiên giác đã, rồi mới mong giác ngộ cho người hậu giác được. Nếu có bậc tiên giác ra đời, thì thiên hạ tất là đổ xô lại quy-y như nước chảy. Cho nên các vị thuyên-sư như ngài Gi-sơn, ngài Vĩnh-gia, đều có lời nguyện rằng; Ai trong Pháp thấy ta hay là nghe thấy tiếng của ta cũng đều phát tâm bồ-đề, và thoát khỏi vòng khổ não. Một người tu thành chính



giác có lợi ích cho quần chúng biết là nương nào ? Chẳng những là người ở chung quanh mình, được thân cận huân trá mà trở nên lương thiện, đến người ở xa tận đầu đầu nghe thấy tiếng mình, cũng hưng khởi mà hóa ra lương thiện. Người chính giác chẳng những là chỉ cảm hóa được quần chúng trong một đời mà thôi, lại còn cảm hóa cho quần chúng đến một trăm đời về sau này nữa. Ông Mạnh-tử nói rằng : « Ông Bá gì và ông Liễu Hạ Huệ là ông thầy giáo hóa cho quần chúng đều một trăm đời. Hễ nghe thấy thanh phong của ông Gi, thì kẻ gian tham hóa ra liêm giới, kẻ nhu nhược đều có trí tự lập. Hễ nghe thấy Hòa phong của ông Huệ, thì kẻ khinh bạc thành ra đôn hậu, kẻ bỉ ổi biến ra khoan hồng. Hai ông tu cái đức thanh hòa làm phấn khởi nhân tâm, mà đến trăm đời về sau, người ta nghe thấy tiếng cũng còn cảm hóa như thế, huống chi là người đồng thời được thân-chá cái đức tính của hai ông, không phải thanh-nhân, thì làm gì có uy hần cảm hóa được người ta lâu xa thế ! »

Hiện nay loài người cách xa Phật tổ đã mấy trăm đời rồi ; Pháp bảo dấu còn nhưng nếu không có người chân tu phát tâm thúy giác, thì làm thế nào mà giác ngộ cho quần chúng được giải thoát.

Muốn giải thoát mau cho quần chúng, thì cần kíp là trong quần chúng phải có người đem pháp vô tỷ ra mà tu luyện cho thành thúy giác. Nếu không thì quần chúng chỉ là một bọn đi đêm hò reo ầm ĩ, mà không có một ai chịu cầm đuốc soi đường. Cầu có một vài bó đuốc bật lửa lên trước, rồi dần dần truyền lửa sang cho muôn vạn bó khác theo sau, thì cái bước đường khó khăn mới thành ra sáng suốt.

Đạo Nho muốn cải tạo thế gian, cũng còn cần phải có ông Gi, ông Huệ, chịu hy sinh thân thể tu luyện cho thành cái đức tính thanh hòa, mới độ thoát được cho những kẻ phạm phu ngoan, nọa, bỉ, bạc kia ; huống chi là đạo Phật, nay không có ai chịu hy sinh tu hành như Thái-tử Tát-đạt-Đa để cho chúng sinh được thân-chá mà

phần khởi tinh thần, thì còn mong gì giải thoát cho quần chúng !

Một người tu thành thủy giác, thì cái hào quang bản giác tự nhiên bùng lên ví như ngọn lửa hồng, như trăm nghìn mặt trời hợp lại, làm cho cái bầu không khí ở thế gian này đang lạnh lẽo tối tăm hóa ra ô hòa sáng suốt. Chúng sinh được hô hấp cái không khí ấy vào trong sáu căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, tự nhiên đời hết những máu sấu đi, tức là những cái ta ngu si, ta ác kiến, ta ngạo mạn, ta tham ái Bốn cái máu si, kiến, mạn, ái ấy đã lọc hết đi rồi, trong sáu căn chỉ còn độc một thứ máu tinh thuần, tức là cái bình đẳng linh trí, Người đã có cái huyết trình tinh thành ấy, thì bản tâm rất là hùng cường thư thái, sự nghiệp tất là chinh đại quang minh.

Ấy Pháp vô tỷ của Phật có công hiệu uy thần như thế, cảm hóa được nhân tâm thế đạo rất mau, mong rằng tất chúng trong giáo hội ta sớm có nhiều người phát tâm thủy giác. Dù chưa có người như thái tử Tất-đạt-đa, ít ra cũng phải có người gần như ông Gi ông Huệ. Bằng không thì chẳng có tai mắt gì với non sông thế-giới này, ừng kiếp phù sinh tiêu trầm trong bể khổ.

Người thủy-giác đem chánh pháp tuyên dương đã ít, lại thêm có một bọn tà-sư làm lũng đoạn, lợi dụng lòng tin ngưỡng của quần chúng để kiếm chút hư danh nơi trần-tục, hay là cầu chút lợi nhỏ để nuôi thân cho qua ngày đoạn tháng. Trong kinh Thủ Lăng nghiêm Phật đã biết trước có bọn này nên ngài nói rằng : « Sao quân giặc cướp kia lại mượn áo Cà-sa của ta mà mặc vào mình « để mà bán đức Như-lai cho đất đám. Những tội nghiệp « họ tạo ra đủ thứ, họ nói đấy toàn là Phật pháp cả, họ « lại chê bai các vị tỷ-khưu cụ giới là bọn tiêu thừa, bởi « cách hành động ấy họ làm bao nhiêu chúng sinh đọa « vào địa-ngục vô gián ».

Nay có nhiều người tưởng Phật là một vị thần có phép lạ, có quyền thưởng phạt sống chết ở trong tay. Dù ai

phạm tội nặng đến đâu, cứ đem vàng hương tiền của đến cho nhiều mà lạy van ngài sẽ đại xá cho, rồi thường cho lộc trong quyền cao, của lắm con nhiều, lúc chết đi lại đón về nơi Cực-lạc. Tưởng thế, cứ làm đủ mười tội ác năm tội nghịch mà không còn kiêng nể sợ hãi gì nữa. Họ tưởng như thế là bởi bọn tà-sư, đem những phép tà-ma phù thủy, làm bùa làm chú, sát sinh cúng tế các thần núi, thần rừng, thần cây, thần mã vằn vằn, để mà cầu phúc tránh họa như trong kinh Dược-sư đã nói : « Đem những phép tà-ma ấy chộn lộn vào chánh pháp của Phật, cho người đời dễ tin theo mà kiếm lợi cầu danh.

Lại có nhiều người biết thế là mê tín, bèn đem kinh điển của Phật ra nghiên cứu, thấy có nhiều phép huyền diệu uyên áo thì tưởng đó chỉ là một cách lập pháp cho cao kỳ quá trí lực người đời, thực ra không ai với tới được. Liền chọn lấy một vài pháp phương tiện hợp với nhân-gian mà diễn giảng, như là những lời Phật nói về xã-hội, luân lý, triết học, khoa học vãn vãn. Cố ý nói cho người đời biết rằng : Pháp Phật không phải là Pháp mê tín như bọn tà-sư làm bậy đâu, chính là pháp giáo hóa như ở đời này cả. Nói như thế là cố ý chiêu đời, mong cho đời tin theo đạo Phật, có khi phải cố gò những lời Phật nói cho thật đúng với phép ở đời, để thành lập cái thuyết « Nhân-gian Phật-giáo ».

Ít lâu nay nhiều người nói về Phật pháp, thường chú trọng về cái thuyết này, chú trọng quá đến nỗi phải bỏ bớt cả những lý nghĩa cao siêu, những giới luật nghiêm-tĩnh đi cho đời dễ tin theo, như là xướng lên cái thuyết cho các sư lấy vợ lấy chồng, ăn thịt, uống rượu ; miễn là làm được việc cho xã-hội quần chúng, thì cũng vẫn gọi là sư. Làm như thế là cố mong cho bao nhiêu người ở thế gian này đều hóa làm tăng ni cả. Trong trí nghĩ là muốn hóa tục làm tăng để chấn hưng Phật-giáo, không ngờ rằng làm như thế chính là hóa tăng làm tục, hết người duy trì Phật pháp cho đến nỗi tiêu trầm.

Nên biết rằng người thực hành Phật pháp ở thế gian

này, tức là người giữ được giới luật tinh vi, nghiêm chế ba nghiệp là « bưng nghĩ, miệng nói, thân làm » không khi vào phạm giới « đâm, sát, đạo, vọng » để làm mô phạm cho quần chúng, để cảm hóa những người có cái mâu tuam, mạn, sân, si, nghi hoặc, ác kiến, hóa ra người có huyết tinh thuần lương, bình đẳng, bác ái.

Nếu bảo Phật pháp cũng chỉ là những bài học luân-lý, hay là những khoa-học khác ở thế-gian này, thì sao gọi là Pháp vô tỷ.

Tuy nhiên, trừ ra những kẻ định lợi dụng Phật pháp để mưu lợi-đồ danh, thì chẳng kể, còn những bậc cao nhân, chỉ sợ thấy nhân tâm thế đạo suy đồi, ngày càng đắm đuối, bần tâm muốn nhờ Phật pháp để cứu vớt lấy một vài, thì thực là một đoạn khổ tâm.

Những cái khổ tâm ấy, sợ rằng ừng phí, bởi vì đời này có hai hạng người nan-hóa : một là thái quá, hai là bất cập.

Hạng bất cập, thì có một chút tin căn tự đời nào mà trí tuệ vẫn mờ tối, bất luận tà sư hay là chính-sư, ai bảo lẽ đâu họ cũng lẽ, miễn là chỉ cầu cho được mạnh khỏe, lắm của nhiều con, thoát tội được phúc, cái lòng tham si quá nặng, trí tuệ mơ màng, không thể phân biệt chính pháp với tà-pháp, vậy thì thuyết nhân-gian Phật pháp đối với người bất cập này không có ích gì, rồi bọn tà sư mất lợi, lại tìm cách làm cho họ mê hoặc thêm đi, mà không gìn theo mình là khác.

Hạng người thái quá, thì trí thức lên cao quá độ như cuồng nghe thuyết nhân-gian Phật pháp cũng vui tai, song họ còn suy xét chán ; Họ cũng biết thừa rằng phép Phật không phải là mê tín như bọn tà-sư cảm dỗ những người bất cập. Rồi họ lại nghĩ rằng thế ra phép Phật cũng như phép ở thế-gian, cũng nói về xã-hội, luân-lý, triết-học, khoa học, văn văn.

Tưởng rằng có chi là huyền diệu kỳ kỳ, nếu chỉ có thế thôi, thì những bài học ấy, ta đã học mãi ở các trường tiểu học, trung học và đại-học rồi. Cần gì phải quy y mới

biết pháp. Vậy thì cái thuyết nhân-gian Phật pháp đối với người thái quá cũng chẳng có hứng thú gì mà khiến cho họ phải quy y.

Đạo Phật ngày nay được thế-giới tôn sùng, là vì có cái chủ nghĩa « Từ-bi, bác-ái, bình-đẳng, tự-do »

Chủ nghĩa này ám hợp với chủ nghĩa của các bậc hiền triết ở châu Âu đã phát minh ra từ mấy thế kỷ nay. Vậy thì những người thông minh học thức, có tài vào bực tế thế kinh bang, tất nhiên là phải biết hết những chủ nghĩa ấy rồi.

Thế mà từ chỗ gia đình, xã-hội, cho đến chỗ bang giao chủ nghĩa từ bi, bác ái, bình đẳng, tự do, ấy vẫn không thực hiện, cái nghiệp sát, đạo, dâm, vọng, vẫn cứ tích cực gây ra, rồi chực bùng lên làm cho long giới lở đất.

Chủ nghĩa tôn sùng ấy, thế gian nói đã lâu rồi, mà vẫn không thực hành được, nay đạo Phật lại còn nói thêm nữa, nếu không có hiệu quả gì hơn thế, thì cái đoạn khổ tâm kia chẳng cũn, ưong làm du !

Nay muốn lập thành cái thuyết « Nhân gian Phật Pháp » muốn nhờ phép Phật để thực hành những chủ nghĩa tôn sùng, thiết tưởng rằng chỉ chọn lấy những thuyết của Phật ám hợp với thuyết thế gian, mà dấn đi giảng lại mãi, thì quyết không đủ hiệu lực, cần phải tổ chức ngay ra một ban « Thuyên học thực hành ». Nếu không chiêu tập được nhiều người chịu hy sinh vì đạo, thì phải cố tìm lấy năm ba vị hoặc là Thanh văn chúng, hay là Bồ-tát chúng, để sung vào ban ấy, tất phải là chân tu thực học mới được ; rồi cùng nhau đem lý nghĩa cao siêu, giới luật nghiêm tịnh ra mà giảng, cứu cho thấu triệt, phải cực công tận tụy thân tiền lực hành, phải đồng tâm đồng sức đào luyện cho nhau chóng thành thân thủy giác, ra mà gánh vác lấy trách nhiệm đức Như-lai, làm phấn khởi nhân tâm để cứu tế cho quần chúng, thực hành chủ nghĩa bác ái từ bi. Lý nghĩa cao siêu là nói về nhân, quả, tính, tướng. Giới luật nghiêm tịnh là cấm chỉ Sát, Đạo, Dâm, Vọng.

Cái thông bệnh của thế gian sở dĩ không thực hành

được chủ nghĩa từ-bi, bác ái, bình đẳng, tự do, là bởi tự tâm mình không giữ được giới luật, sát, đạo, dâm, vọng cho nghiêm tịnh, mà không giữ được giới ấy là tại không thấu triệt được lý nghĩa huyền vi nói về nhân quả tính tướng.

Vậy thì Pháp thân diệu vô tỷ của Phật khiến cho thế gian thực hành được chủ nghĩa kia, chỉ là gia công nghiên cứu cho thấu triệt được cái lý huyền vi ấy mà thôi.

Ta không nên lo rằng cái lý huyền vi ấy cao siêu quá, không thể nào làm cho nhân dân khắp thế giới này hiểu thấy được. Khổng phu Tử có nói rằng : « Dân không thể biết được, nhưng có thể theo dẫn mà làm được » Vậy thì nghiên cứu lý huyền vi là cốt hua đúc lên người tiền giác, làm Đạo-Sư cốt dẫn quần chúng lên đường tiến hóa về nơi Lạc quốc, đừng để cho lẫn quần mãi trong cái vòng tối tăm mà sinh lòng ác đạo, dâm vọng lẫn nhau.

Cuộc nhân-sinh vũ-trụ này mờ tối lắm, vô số chúng sinh ở thế giới này chẳng biết là thế nào. Mỗi thuyết nói mỗi khác, thành ra cuộc sinh hoạt hằng ngày của người ta không có một nghĩa chính định, cứ theo thuyết riêng của mình mà sấm bại lẫn nhau, đề nắm lấy phần thắng lợi.

Pháp nhân, quả, tính, tướng, của Phật đã phá tan được chỗ mờ tối kia, đã phát minh ra một nghĩa chính định ; chúng ta phải tin theo một nghĩa chính định ấy mà sinh hoạt hằng ngày, thì mới có thể cùng nhau sinh tồn ở trên mặt đất này, trong cái cảnh giới an lạc diệu thường, tịch tĩnh, giải thoát được. Cùng nhau sinh hoạt trong cảnh giới ấy, tức là chủ nghĩa từ bi, bác-ái, bình đẳng, tự do đã thực hiện ra rồi.

Cái thuyết nhân quả của Phật huyền bí lắm, người trong đạo mà thông đạt được, cũng không có nhiều, người ngoài đạo thì nghi hoặc khó tin.

Lý thực thì nhân với quả vẫn liên lạc với nhau, mà sự thực thì nhân với quả đồng thời không hiện cả hai ra được : quả hiện ra thì nhân đã ẩn đi rồi, mà nhân hiện ra thì quả lại chưa thấy có, cái định pháp như thế, thì

khó lòng mà nói cho người ta chứng ngộ được rằng bản với quả liên lạc với nhau.

Muốn chứng ngộ được cái lẽ huyền bí này, phải tu cho có con mắt tuệ nhơn soi suốt được ba đời là : đời trước đời này và đời sau ; hay là nói cho dễ hiểu thì là soi suốt được cái chân tướng của một vật gì, mà trong ba thời-kỳ đó nó hiện ra ba cái tướng khác nhau như cái tướng ngày hôm nay đương hiện ra, thì cái tướng ngày hôm qua đã biến đi rồi, còn cái tướng ngày mai chưa hiện ra được.

Nếu không có tuệ nhơn trông suốt cả ba đời, thì thấy sao được cả ba cái tướng ấy trong một lúc. Con mắt tình thức ở trần gian này, chỉ thấy được cái tướng hiện tại ở đời này thôi, còn cái tướng ở đời quá khứ trước kia, và cái tướng ở đời vị lai sau này, thì không thể nào thấy được. Ví như ở đầu mang đến thế gian này một quả tròn tròn gọi là quả Bồ-đề, tất nhiên là những người được trông thấy, ai ai cũng phải chứng nhận là có quả Bồ-đề thật, nhưng không ai biết được ở đâu mà có cái quả tròn tròn như thế. Nay một người có tuệ nhơn thấy rõ ba đời cái quả ấy nói lên rằng : Nguyên ngày xưa nó là một cái quả nhân rất nhỏ, gặp thổ ngại tốt nên nó mới mọc ra cái quả ngon lành ấy, khi quả ấy đã nát hết, nhân nó vẫn còn, nếu gặp thổ ngại không tốt nó sẽ hóa sinh ra quả chua chát. Nói suông như thế thì mấy người tin được, phải đem cái nhân rất nhỏ ấy ra và cái quả chua chát ấy ra cho người ta trông thấy, thì mới tin được là thực ; nhưng khổ nỗi vì cái nhân nhỏ đó biến đi rồi và cái quả chua lại chưa mọc ra.

Một người đã không tin rằng : cái quả đời hiện tại này có liên lạc với cái nhân quả đời quá khứ, và cái quả đời vị lai, tức là người không biết sống trong một nghĩa định và đã bỏ quên mất cái bản tính tự lập đi rồi. Họ chỉ là cái máy động cơ, hễ trần cảnh cảm xúc đến thì phát ra nhời nói việc làm ấy chẳng có nguyên nhân gì về đời trước và cũng chẳng có kết quả gì về đời sau. Họ chỉ biết sống theo trần cảnh, thế thì nhời nói việc làm của

họ hoặc là từ bi, bác ái, hoặc là sát đạo dâm vọng, đối với họ không có trách nhiệm gì ; nó chẳng có kết quả gì về đời sau cả, nó chỉ cốt cho song cuộc hiện tại ấy là thôi.

Vậy muốn cho trong đời họ thực hành được chủ nghĩa từ bi, bác ái, và đừng phạm vào giới sát, đạo, dâm vọng, thì cần phải cảm hóa cho họ tin theo thuyết nhân quả, cho họ tỉnh ngộ rằng : « Bung họ nghĩ, miệng họ nói thân họ làm » là cái nghiệp của họ tạo ra, thì sau này kết quả rõ ràng và họ sẽ phải chịu lấy trách nhiệm.

Thuyết nhân quả tuy là huyền diệu, nhưng cũng là pháp thế gian. Trước khi Phật ra đời đem điển giảng cho được thấu triệt hoàn toàn, thì cũng đã có các vị độc giác chứng ngộ được pháp thập nhị nhân duyên ; ở Trung-hoa thì vua Phục-hy đã vạch ra tám quả từ mấy nghìn năm về trước, đấng vua Văn-vương nhà Chu thì đem điển thành văn tự gọi là kinh Chu Dịch. Đức Khổng-tử ham tụng kinh này, thấy rõ được nhân quả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Nay xin trích một quả trong kinh Dịch để làm chứng thực cho thuyết nhân quả.

Quả Trang Pâu, hào cửu nhị có câu rằng : « Minh hạc tại âm, kỳ tử họa chi » nghĩa là chim hạc hót ở chỗ rợp, con nó liền họa theo tiếng hót ấy.

Đức Khổng tử giải nghĩa rằng : « Ngươi đời quân tử (tức là người làm đạo sư cho quần chúng) ở trong nhà mình, nói ra lời lương thiện thì những người ở xa hàng nghìn dặm, liền hưởng ứng phát ra những lời lương thiện mà họa theo, ngược bằng nói ra lời chẳng lương thiện, thì người ta cũng phát ra lời vô lương thiện để phản đối lại, người ở xa còn thế, huống chi là người ở gần. Những lời việc làm của mình có ảnh hưởng cho nhân dân khắp cả xa gần như thế, thì những lời việc làm của mình là cái then chốt có chủ lực làm cho mình vinh hay là làm cho mình nhục. Những lời việc làm của người Quân-tử là cái nguyên nhân sở dĩ làm cho rung động cả giới đất, cho nên phải cẩn thận lắm ! »



Chức nhân sinh vũ trụ này, cũng như cuộc cờ, cái đời người tarút lại là mấy ván cờ hôm trước, mấy ván cờ hôm nay và mấy ván cờ ngày mai. Những ván cờ ấy chẳng có ván nào giống ván nào cả, mà trong một ván ấy có rất nhiều nước đi, cũng chẳng nước nào giống nước nào hết.

Người thấp cờ trí tuệ còn mờ ám, trông vào bàn cờ không thấy được nước trước có liên lạc với nước sau, chỉ biết đi từng nước một, rồi cứ đi liều đánh bậy, may ra thì được mà rủi thì thua; chốt cuộc được hay thua, đều do cho tại may tại rủi.

Người cao cờ, trí tuệ sáng suốt, những nước trước đã xóa đi rồi, mà vẫn còn thấy được rõ như những nước đương đi hiện tại, cất quân lên đi một nước, thì tám chín mươi nước sau này sẽ hiện ra thế nào, con mắt tuệ nhưn cũng đã trông thấy rõ cả rồi. Lý thực và sự thực, thì người có trí tuệ sáng suốt, lúc nào cũng thấy được nước cờ quá khứ, nước cờ hiện tại, nước cờ vị lai, cả ba điều liên lạc với nhau, không thể nào sai được, mà đều là tự tay mình chính định bày ra cả, chứ có phải là may rủi đâu.

Nay người cao cờ nói rằng: nước trước có liên lạc với nước sau thì người thấp cờ vẫn không tin, bởi vì con mắt tình thức chỉ thấy được nước hiện tại thôi, chưa có con mắt trí tuệ để quán chiếu được cả nước trước và nước sau.

Ấy người tin nhân quả và không tin nhân quả cũng như người cao cờ và người thấp cờ vậy.

Đã hễ rõ cái lý nhân sinh vũ trụ này cũng như cuộc cờ rồi, thì cái cuộc đời của chúng sinh sở dĩ biến thành ác trọc như cõi sa bà này, hay là hóa ra an lạc như cõi tịnh độ kia, đều bởi tự cái «bụng nghĩ, miệng nói, thân làm» của chúng sinh tạo ra cả.

Pháp nhân quả huyền diệu như thế, nhưng vẫn là pháp phương tiện ở thế gian có thể chỉ bày cho rõ được, nhưng duy chỉ có người chính trí tinh thuần, nghiên

cùng đến chỗ tình tương viên dung, vượt hẳn ra ngoài không gian và thời gian ; con mắt tuệ nhơn không còn trông thấy có cái nhân, cái quả hiện ra khác nhau trong ba đời quá khứ hiện tại, vị lai nữa ; đời nào lúc nào chỗ nào, cũng chỉ thấy có một cái thực tướng chân như chính định hiện ra thối.

Chỉ có người ấy mới dẫn cho quần chúng thực hành được chủ nghĩa « Từ bi, tự tại ».

Văn-quang-Thụy

MUỐN ĐẠT ĐẾN MỤC - ĐÍCH

THỄ - GIỚI ĐẠI - ĐỒNG

*cần phải rõ ba cái nguyên-nhân  
bất - bình - đẳng*

Của cụ Lê-chính-Tri — Huệ

« Tiếp được Cụ Đại-đức chùa Thiên-minh, Huệ, gửi cho Đuốc-Tuệ bài sau đây, chúng tôi kính cần đọc thấy ở trong bài, đạo-lý hiển-minh mà thiết-thực, hợp với chủ nghĩa « nhân-gian Phật-giáo » mà Đuốc-Tuệ bấy nay đề-xướng, chúng tôi xin đăng loan-văn sau này để mừa pháp của Đại-đức rộng tưới xa gần.

Chúng tôi có lời cảm ơn Đại-đức, một bạn qui trong đồng đạo của Đuốc-Tuệ ».

ĐUỐC-TUỆ

Ở trên thế-giới xưa nay biết bao nhiêu người đau lòng vì nhơn loại, hết sức hô-hào tổ-chức thành-lập đoàn-thể, đề-xướng biết bao nhiêu chủ nghĩa ; nào là chủ nghĩa cộng-sâu, nào là chủ nghĩa bình-dân, nào là chủ nghĩa cộng-hòa, mục-dịch đề bài-trừ những cái tệ giai-cấp bất-bình sự thống-khổ của nhơn-loại, hầu mong đem nhơn-loại đến mục-dịch thế-giới đại-đồng. Nhưng xét lại đã thấy chút gì thực hiện đâu ? Họ chỉ một mặt mong cầu cái kết-quả bình-đẳng mà không xét rõ các nguyên-nhơn làm cho nhơn-loại có giai-cấp bất-bình thống-khổ vì vậy

nên không bao giờ thành tựu được cái kết-quả hoàn-toàn viên-mãn. Họ làm vậy là không xét ở trong xã-hội người thì học-hành, người thì không được học-hành, người thì làm chai da phồng trăn, người thì cõ bạc rươu chè. mà muốn chỗ kết quả cho bịnh đặng thì quyết chắc không thể nào đặng. Vì vậy nên tôi xin viết về vấn-đề « Muốn đạt đến mục-dịch thế-giới Đại đồng, cần phải rõ ba cái nguyên-nhơn bất bình đặng ».

Chúng ta sống ở trên đời, thường thấy đồng một nhân-loại mà chỗ trợ-dụng không biết bao nhiêu là giai-cấp bất bình. Như có hạng người, ở thì lầu-cao cửa-gác, mừng che sao phủ, uộm-gấm gối thêu; ăn thì những đồ cao lương thượng-vị không có một thứ ngon gì mà không ăn đến; còn mặc thì điều gấm hàng lụa trăm thứ, không có một thứ lụa quý gì là họ không mặc. Có người trọn ngày ở nề ngồi không, mà đối với đời thì họ chỉ trăm bề sung-sướng, cho nên có người từ khi sanh ra đến khi chết đều toàn bao-bọc cả cuộc đời thú vị mà thôi.

Còn như có hạng người ở thì nhà xiêu vách đất lều tranh cùm cỏ, che trước thiếu sau: ăn thì mắm muối cơm lức, bữa no bữa đói; còn mặc thì vải thô gai thưa, thậm chí may không nổi mà mặc, đến hai ba năm mới có thể may được, nhưng họ quanh năm cuối tháng có phải ăn nề ngồi không đâu, thức khuya dậy sớm; chạy ngược chạy xuôi, thân-lâm lao khổ, mà họ đối với đời toàn chịu trăm điều vất vả, trọn ngày chỉ có sống với đời bần-lầy nước đọng mà thôi; cho nên có người từ khi lọt lòng mẹ đến hơi thở cuối cùng, không biết mùi sung sướng đời là chi hết.

Trong nhân loại, những người chủ trương cho rằng: đời người chỉ có sống tạm ăn giờ trong một-thời gian ngắn ngủi mà thôi, chờ đến khi chết là hết, có chi đâu là nhân quả tội phúc, có chi đâu là nghiệp báo luân hồi, vậy nên họ sống được ngày nào hoặc giàu sang hay nghèo hèn, mỗi mỗi tâm trí cho đến hành động của họ, toàn là chủ về mặt thiệt tại mà thôi, thành ra trọn đời họ dầu gặp

việc gì lớn hay nhỏ, không bao giờ mà họ để ý kinh nghiệm, cho cùng tột nguyên nhân của việc ấy từ đâu mà có, như gặp cảnh sung sướng họ cũng không biết vì đâu mà có, gặp cảnh nghèo khổ họ không biết từ đâu mà tới, họ chỉ sống ngày nào thì chỉ lo làm ăn ngày nấy, những hạng người như vậy, đối với đời sống của họ, toàn không có giá trị, không có ý nghĩa, còn đối với nhân quần, thì họ là người vô ích cho đời, người đã như thế nữ uôi làm chi.

Còn ai là người siêu quần bạt tụy, thấy xa nghĩ rộng, xưa nay muốn hó hào cỡ võ muốn đạt đến mục đích mình cùng nhân loại, chung hưởng cái hạnh phúc bình-đẳng, thế giới đại đồng, há chẳng muốn giải quyết vấn đề vì sao đồng một nhân-loại, mà chỗ thọ dụng không biết bao nhiêu giai cấp bất bình thối đố khổ hay sao ??? Thưa các ngài: trong kinh Phật có dạy rằng: « Chúng sanh ở trong vũ-trụ này, sở dĩ chỗ thọ-dụng có giai-cấp bất-bình-thối đố khổ đó, là đều do mỗi loài mỗi loài đã gây hoặc tạo nghiệp nhưn khác nhau. đã nhiều đời nhiều kiếp rồi? Nhưn chúng sanh thường chịu những khổ-quả, mà không biết tìm phương-pháp để diệt-trừ cho hết cái hoặc-nghiệp nhưn đi, nên bề đã có hoặc nghiệp nhưn thì tất nhiên còn phải chịu khổ quả, rồi quả lại gây thành hoặc-nghiệp-nhưn, nhưn gây quả, quả gây nhưn, nhưn-quả tuần-hoàn thành chúng sanh xoay tròn trong bánh-xe luân hồi; có khi sanh ra làm thân người, có khi sanh ra làm thân súc vật, có khi làm vua, có khi làm dân, có khi giàu sang, có khi nghèo khổ, thay hình đổi dạng, lớp này lớp khác, mà rút lại cũng là một thân một tâm ấy mà thôi. Có khác nào như một anh kép sẩm tuồng hát trên sân-khấu, theo trường hợp mà chỗ thọ-dụng có khác nhau đó thôi;

Chúng sanh ở trong vũ-trụ này sở dĩ bị hoặc-nghiệp xoay chuyển; cũng như có người thường bị cái khổ say-sưa, nhưng không chịu diệt-trừ cái nghiệp uống rượu, thành ra bề còn nghiệp uống rượu thì lẽ tất-nhiên khi hết say-xưa lại còn uống nữa, đã còn sống thì còn tới lui vẫn-yít trong quán rượu làm sao mà tránh khỏi cái

nạn say-sưa, đã say-sưa sao cho khỏi chịu trăm bề vất-vả khổ-sở. Vậy mới biết nghiệp-chủng của chúng ta xưa nay, có khác nào như hạt-giống mùa trước nó làm trở nhưn sanh ra cây mùa này. lại cây mùa này trở thành hạt-giống rồi làm trở nhưn sanh ra cây sau sau nữa, thế cho rõ biết vô-lượng vô-biên nghiệp-chủng thân tâm của chúng ta trước, nó làm trở nhưn sanh ra nghiệp-chủng thân-tâm đời hiện tại đây. mà đầu vô-cùng vô-tận nghiệp-chủng thân-tâm về sau, cũng tức là ở nơi nghiệp-chủng thân-tâm đời hiện tại này tạo thành; ngày nay chúng ta muốn biết nghiệp-chủng thân-tâm đời trước; cần phải suy nghiệm nghiệp-chủng thân-tâm đời hiện-tại này, và muốn khỏi vô-cùng vô-tận khổ-quả đời vị-lai thì tất-nhiên ở nơi nghiệp-chủng thân-tâm đời hiện tại này, phải lo tìm phương-pháp-tu-hành để diệt-trừ lần cho hết cái hoặc-nghiệp nhưn đi. Song chúng ta muốn hết cái khổ-quả, cần phải diệt-trừ cái nghiệp-nhơn, mà muốn diệt-trừ cái nghiệp-nhơn, cần phải diệt-trừ cái hoặc vô-minh vì ba món ấy vô-thủy đến nay, nó dây-dừa làm nhưn cho nhau, mà thành chúng sinh phải gây hoặc tạo nghiệp, chịu khổ đời này qua đời nọ không khi nào nghĩ dứt; nên nay chúng ta muốn hết cái khổ-quả, thì phải lo diệt-trừ ba món ấy, cho cùng tột nguồn gốc, muốn diệt-trừ cho cùng tột nguồn gốc thì trước hết phải rõ vì sao mà gọi là hoặc, vì sao mà gọi là « nghiệp » vì sao mà gọi là « khổ ». (còn nữa)

Lê-chính-Tri

## BÀI CHÚC-TỪ CỦA BAN ĐẠI-LÝ

### PHẬT-GIÁO NAM-SÁCH

đọc tiến hành ông Giáo Phạm tất-Thắng kiêm Quản lý đời đi Lạng sơn, ngày mồng một tháng bảy nhuận năm, Mậu-Dần (25-8-38)

*Nam-mô A-di-đà Phật,*

*Kính ông Quản-lý Phạm tiên-sinh.*

*Thưa ông,*

*Trước khi nghĩ hè chúng tôi phảng phất nghe tin ông*

được đến lượt cải bổ nơi khác, nhưng chưa biết đích là nơi nào, nên ai ai cũng ngong ngóng chờ trông. Nay ông được nghị định dời đi Ôn châu tỉnh Lạng, chúng tôi được tin phần lấy làm mừng ! mừng là : nơi mo ông sẽ đem sở-học giáo hóa là một xứ sẵn có cảnh vật thiên nhiên, khí hậu thuần lương thích hợp với tâm lý của nhà đạo giáo. Nhưng phần lại bằng khuáng mển tiếc ! tiếc : tạm phải xa cách một người bạn thanh-niên tinh tấn đang nỗ-lực giúp việc hội trong buổi liễn hành.

Buổi hôm nay, họp vào ngày lễ, trước khói hương nghi ngút trên tam-bảo, trước mặt hai cụ Lớn các quý-chức các Đại-đức, các giáo-hữu, tôi xin thay mặt toàn thể trong hội và hai dân có vài lời thổ sơ ơn qua lại cái công quả mà ông đã phát tâm giúp hội ta từ khi ông nhận chức Quản lý hồi thành lập đến giờ.

Chùa Phúc lâm hội quán đây vốn xưa là một cảnh danh lam thắng tích trong 24 cảnh. Nhưng đã trải bao phen dâu bể rêu phong ! Kể cận lai về triều Nguyễn thì phủ Nam nay bị giặc Tề quấy rối, quan Phụ chính Tôn-thất-thuyết bắt buộc phải tạm mượn cảnh chùa này làm thành trì để kháng, vì ngoài hào sâu, trong lũy hiểmค่าย cối bum tùm, nhân địa thế hiểm yếu như thế nên mới hạ được tướng Tề. Tuy nhiên Trận thắng, nhưng nơi chùa chiền đã biến làm bãi chiến trường, cánh sắc còn an toàn sao được, nên đã bị cải họa binh hỏa dời thay. Tông hậu cũng có恙, ni trụ trì nhưng thay đổi mãi, buổi sau cùng dân cho tự ở, cứ thế ngày ngày hương lạnh khói tàn, sao rơi vật đổi ! khiến cho vết xưa dấu cũ, hầu phui nhạt với thời-gian !

Máy thay ! máy tạo vẫn soay, phong trào Phật giáo chấn hưng tràn đến cõi Đông, nhân tâm hướng ứng. Nhân thời cơ vô ông lại sẵn có đạo tâm tự-nhiệm cái nghĩa « tự giác giác tha sát sống cùng bà con Nam-thành gầy nên một ban đại-lý lấy cảnh chùa Phúc-lâm này làm nơi hội-quán.

Ông khéo điều hòa phong tục dân tình, giáo hóa cả hai dân (Van-niên và Nội-hưng) đồng tâm với Hội kỳ thác

chùa Phúc-lâm về chốn Sơn-môn An-ninh là nơi Tồ-tịch trông nom việc thờ ơ, trụ và chạch cử cụ Trưởng An-ninh lên Chánh ban Đạo-sư.

Về công việc quản trị trong Hội, ông tham nhạp các giới các phái đồng lao cộng tác lo việc Phật như chung một nhà.

Sếp đặt như thế rồi, nhân cảnh cũ nếp xưa, ông đã lấy trí thanh niên phấn đấu, lấy làm mỹ thuật diêm trang, tô vẽ dài cũ, cải bổ nền xưa. Hồ hào dân xã tín lão dựng nhà thờ Tồ, giáo hóa chư Hậu giáo hữu lập nhà giảng-đường, xây gác Tam quan, đồng hoa phát cỏ, khiến cho chùa Phúc-lâm Hội-quán chúng ta trước kia là cõi hoan-vu hưu quạnh, thấm thoát mới trái ba thu nay đã trở nên một thế-giới nguy nga tráng lệ có vẻ Lý Trần trùng hưng tái tạo.

Không những là ông chuyên đề tâm về phương diện hình thức, mà thời đau, về mặt tinh thần ông lại ghghien-cứu mài miệt lắm ! ông tự nhận vào một ghế trong ban diễngiảng, lại cõ kích dựng thêm được một chi Giảng Vũ-xá có ngót 300 Hội-viên. Sau đây ông bàn định thực hành chủ nghĩa Nhân gian Phật-giáo : vào mở lớp học tối cho trẻ em nghèo, nào lập ủy ban phò tế cho người đói khổ,

Ông vẫn là một chức trưởng giáo một trường Pháp-vật ết kiêm-bị bộn bề b ết bao công việc, thế mà ông chẳng quản khó nhọc, gập trura hay tối hẽ có thì giờ nhàn rỗi là ông đề tâm về việc Hội cả. Tồi còn nhớ hồi nghỉ hè năm ngoài các nơi bị thần thủy潦 chan hòa lói cuốn ! thế mà ông chẳng quản nguy nan vội vàng từ quê nhà Nam-định ra đảy trước đề trông nom việc xây nhà Giảng, chứ không nghĩ hẽ ở nhà quê.

Cái trí ông sở nguyện là mong cho chóng xong việc công tác để lấy nơi khi ngày lễ lúc thư nhàn cùng giáo hữu bình giảng bài kinh cầu kệ.

Nói cho đúng ông là một người đã được chư Phật diễm hóa nên trang thanh-niên có đủ đức tính xã-hội : sớm ngộ đạo ! biết tin Phật sùng Nho lại tham tân học, biết hỹ xã mình eho xã-hội ; cảm hóa cho quần chúng, biết yêu trẻ kính giá, vớ về bạn hữu, biết trọng công-nghĩa

khinh tư lợi, thực là ánh hào quang của đức Như-lai phản chiếu ra vậy.

Nay ông được cải-bổ đi Ấn-châu xứ Lạng, tuy đầy trước là cảnh sơn-lâm nhưng nay đã khai hóa thành nơi thị-xã, đường giao thông sẵn có tàu hỏa xe hơi, ấy là dịp tiện cho ông dễ đem sở chứng sở hành truyền bá ra nơi Sơn-giã thực là : may cho Phật pháp.

Thưa tôn ông : giảng sơn văn đó; tuế nguyệt còn giai ! Chốn Thanh-lâm vốn xưa là nơi văn vật, vẫn được hạnh-nỗ các bậc danh-nhân thi sĩ ngoạn-du, âu cảnh ấy tinh này. Giới Phật đâu có phụ ! quang âm lần nữa, cuộc trùng phùng ắt hẳn có ngày chúng ta lại được cùng nhau hoan hỷ.

Trước khi đăng trình, tôi thay mặt ban Trị sự và các giáo-hữu xin lôm thành dâng ông chức Danh-đức cố-vấn xin ông vui lòng nhận cho.

Một chén thuyền trà, chúng tôi đồng thanh chúc ông cùng quý quyến thượng lộ bình an và hưởng phúc duyên lợi lạc.

**Ban Trị sự Đại-lý hội Phật Nam sách**

## MỘT KẾT QUẢ CỦA HỘI PHẬT - GIÁO

Lễ khánh-thành đường Bạch làng

Quần-phương-Trung

Từ khi hội Phật-giáo Bắc-kỳ thành-lập ở Trung-ương và các chi hội : ngoài việc lập giảng-đường; thiết thư-viện là việc cần của hội ra, Trung-ương và các chi còn sốt sắng đề làm việc cứu tế và kiến thiết chung cho xã hội. Như những việc cứu dân bị lụt, làm chay cho những người chết đuối, làm tam-quan ở chùa Sơn-thủy v. v. Chắc các ngài đọc báo Đuốc-tuệ đã chứng minh cho cả.

Nay chi hội Phật-giáo làng Quần-phương-trung, Hải-hậu Nam định lại vừa dở vữa được một con đường.

Ngày 26-12-1937 vừa rồi, trước giờ làm lễ thành lập chi hội, làng Quần phương-trung có đặt lễ rước ông Chánh đại-lý chi hội ấy từ buồng Đại-lý ở hội quán quanh ra đầu đường làm lễ thành đường.

Dưới chiếc thẻ-môn, đủ mặt các thân hào và dân chúng,



Sau khi nghe ông Giáo ở trường làng ấy đọc diễn văn thì ông Chánh đại-lý đứng dậy đáp nhời ; rồi một nữ học-sinh dâng cái kẻo. Ông Chánh đại-lý tiến lên cất bằng tam tài và đồ rượu, tiếp nhận bó hoa mừng của ban Trị-sự do một nữ học-sinh nữa dâng lên.

Dưới đây xin đăng nguyên bản bài diễn-văn của Giáo Trần-xuân-Hảo đọc đề các ngài tùy-hỷ cho một việc làm của một chi hội hội ta.

DUỐC-TUỆ

## BÀI DIỄN VĂN

Thưa các cụ.

Thưa các quan.

Thưa các ông, các bà và liệt-vị đến dự lễ khánh-thành con đường này.

Thưa các ngài,

Con đường này là một lối đi lối cò của ba xã Quần-anh, là một lối giao-thông với các bến đò Hải-bậu. — Trục-ninh trên sông Ninh-cơ, một lối chính đi tới bến tàu thủy Cửa-mức, và cũng là một con đường lớn của dân làng đi lại với cánh đồng sau.

Với địa-thế là một đường đi rất thông thường và tiện-lợi.

Nhìn qua vị-trí, chắc các ngài cũng công-nhận rằng : con đường này đã vì sự tiện lợi mà phải đắp lên một cách khó khăn. Dỡa một giải ao hồ, đặt qua được một lối đi, công phu của người tát nước vun nền thật đáng làm cho ta chẳng quên được trong quãng một giây một bước.

Đoạn đường này sở-dĩ gọi là « đường Bạch », chúng tôi chắc rằng cái tên ấy có từ sau lúc làm chù.

Theo khẩu-hiệu thường, cứ lối đi trước một ngôi đền miếu hoặc đình, chùa thì người ta đặt riêng cho nó một cái tên, gọi là « đường Bạch » để tỏ vẻ sạch-sẽ rõ-ràng và biệt ra một cái hiệu trang-nghiêm.

Song, khác với những đường bạch khác, như trên đã nói, đường bạch này lại chính là một đoạn đầu đường cái đi ra các lối.

Chắc ai cũng nhớ: trước đây một vài mươi năm, con đường này còn là một lối đi ủng-súng, về mùa nước nhón, khách qua lại phải lặn-lội trên những lớp bèo tây.

Vì đường đắp đã lâu ngày, lại nằm ngang dữa các lòng ao: Mỗi khi gặp gió mưa hủy-liệt, người ta muốn chữa lại, thì đưạ đất cái vào đây là một sự rất khó-khăn; bắt đấ: dĩ chỉ phải vét lấy những bùn cát ở lòng ao để đắp lại mặt đường. Nếu gặp chỗ quá sâu, bùn cát kuông toẽ đắp cho đầy được, thì lại phải lốt xuống dưới bằng những cây chuối và bèo.

Nhưng chuối và bèo đâu phải là một vật dễ bồi đắp chân đường, mà bùn cát lòng ao cũng chẳng phải là một vậ' dễ xây đắp mặt đường; lẽ cố nhiên là nó sẽ không thể trọng tải được thân đường và giữ vững được mặt đường mà lênh-đềnh mãi trên mặt nước. Ven bùn lợi đáng, khách qua đường vẫn không khỏi lao đao.

Nhờ những công gây giựng của tồ-lông, và nghĩ tới sự tiện lợi của một con đường. Năm Canh-ngọ 1930 sư cụ Đoàn thanh-Dụng chánh đại-lý tăng chi hội Phật-giáo ta bây giờ, mới thỉnh nạnh các quan hàng xã và hợp lực với, mười phương, góp của góp công để đất lại đoạn đường này. Với công cuộc ấy chúng tôi xin nhắc lại những chỗ gian lao.

Năm Canh-ngọ là một năm kém sút, những nông dân không đủ cơm ăn việc làm, chịu nhấn nhỏ cho qua ngày tháng. Dữa lúc ấy sư cụ Đoàn mới phát tiền và kể « hưng-công trợ-chần » bởi tấm từ bi. Trước mắt cụ, một con đường ngay lối vào chùa, cụ chẳng nỡ để đồng nhân làm-lợi mãi trong khi mưa đang; muốn hưng công để thi hành chính-sách cứu hoang ngay vào việc chữa con đường ấy, cụ trình bày với các quaa với thiện tín đều được tán thành.

Trong mấy mươi ngày giờ mỗi ngày kẻ ngoài trăm công, đưạ đất thọt từ sông Dữa và sách Vầu vào; phá bỏ những chỗ xấu đi đắp lại toàn bằng đất cái; ngót nửa cây số đường phải xây qua mấy cái cống thông thủy, và đắp đất thêm chiều cao, chiều rộng đều quá một thước ta.

Chi phí vào việc ấy hết ngót nghìn đồng; kết quả được con đường bạch khang trang, và cứu sống được những dân nghèo trong một thời gian kém-dói.

Công đức ấy thật là nhờ sáng kiến của sư-cụ, lòng sốt sắng của các quan, và sự tán-trợ của các nhà từ-thiện.

Như vậy con đường này kể đã thi đã được vừng vàng Năm nay, nhân dịp chi hội Phật-giáo của làng thành lập. Mấy hội viên muốn cho đoạn đường trước cửa Phật thêm được phẳng bèn. Ông Suất-dội hưu trí Trầu-Bông, ông chủ-thần Nguyễn-Hải, và ông Thư-ký chi hội Vũ-hồng-An mới xin phép quan Chánh-đại lý nhờ chi hội Phật-giáo đứng tập-hãng nề vữa mặt đường.

Đoạn đường này từ đây cho tới mõ cầu chùa dài vừa 420 thước tây mặt đường rộng 2 thước 4 phân tây; hội cho đỡ tam hợp lên mặt đường bằng một thứ cầu nổi — Thứ cầu-nổi ấy sức khỏe trên mặt đất là thế nào chắc ai cũng đã biết.

Chiều dài theo đủ thước đường, chiều ngang đồ rộng một thước rưỡi tây, giầy chân 10 phân tây và mặt 6 phân.

Nay công việc vừa được hoàn thành, lại gặp đũa ngày chi hội Phật-giáo ta làm lễ thành-lập, hội cũng khánh con thành đường này luôn vào buổi sáng hôm nay, để kịp đón các quan khách từ Hanoi về chùa. Đoạn đường này lát nữa sẽ được các thượng quý quan, các nhà đại-đức đặt những khách bộ đầu tiên. Thực là hạnh ngộ và xứng đáng với cái vẻ mới đẹp của đường này lắm.

Buổi uy chủ lễ xong đường, bởi quan Chánh-đại-lý cử-nhân Trần đại-nhân.

Hầm Quan-lớn,

Thưa các ngài,

Tôi rất lấy làm may-mắn hôm nay được tới đây dự lễ khánh thành. Tôi rất mừng rằng hội Phật-giáo làng ta đã giởng nên được một việc làm rất có ích-lợi; và các nhà từ thiện đã giàu lòng góp những đồng tiền có ích vào việc tiền chuông. Tôi mong rằng hội Phật-giáo làng ta còn làm được nhiều việc công đức như thế này, và các nhà hữu-tâm thường vui vẻ với những việc làm có lợi-ích chung cho xã-hội; thì cầu, cống, sông, đường của làng ta sẽ chẳng mấy lúc mà trở lên được những vật kiến-trúc đẹp để vừng-vàng.

Trước sự tiện-lợi của con đường này; tôi xin thay mặt đồng nhâu cảm tạ tấm lòng quý hóa của các nhà

từ-thiện và nhất là ông Nguyễn-Hải đã nhiều hàng sản, hàng tâm ; cũng liệt vị đã vui về tới đây dự lễ.

Mong nhờ bóng Phật chứng minh công-đức, và soi sáng một ngày một rộng cho nền phúc của hội ngày rực rỡ thêm.

Kính chúc Pháp Nam vạn tuế !

Phật-giao vạn tuế !

Trần-xuân-Hảo

Ecole Quăn-phương-trung

## AI TÍN

### Lễ truy-tiến cụ Đạo-sư chùa Lãng lãng Nam định

Ngày 19 tháng 10 năm Mậu-dần tại chùa Lãng lãng, tỉnh Nam-dịnh cử hành đại lễ từ-cửu truy-tiến cho cụ Đạo-sư Phan-thanh Thái cụ hưởng thọ 65 tuổi, bản Trung ương có cụ Tô Trung-hậu cụ đốc giáo Bằng sở cụ Tế cát và chư tăng về dự lễ, tại chi hội Phật-giao Nam-dịnh có hầu hết các vị Thượng đức tăng ni các Sơn môn về khai đăng kinh Địa-tạng Khi sinh tiền cụ là một vị Đạo-sư có đạo đức có học thức, cụ lại có lòng sốt sắng vì công cuộc chấn hưng Phật-giao buổi ban đầu. Năm 1935 cụ lên chủ hạ tại hội-quán Trung ương chùa Quán-sứ, cụ lại có chân thuyên-học bảo-trợ tại Trung-ương. Ngày 20 tháng 10 năm Mậu-dần tại hội quán Trung-ương chùa Quán-sứ chư tăng trưởng Đại-học Trung-học Tiểu-học và ban Hộ-niệm cũng làm lễ truy-tiến cho cụ rất long trọng, dự lễ có cụ Hội-trưởng Nguyễn tướng công và ban trị-sự, cụ là một vị có đạo tâm với hội, nay cụ tịch, thực là một tin buồn chung cho cả hội Phật giáo Bắc-kỳ, hội Trung-ương và ban Thuyên học có kinh diếu cụ bốn chữ « Thanh-qui như tại 清規如在 » và một bài diếu văn như sau.

## BÀI VĂN VĂN TRUY-ĐIẾU SƯ CỤ

### CHÙA LÃNG-LÃNG

Tuan ôi . Nước cực-lạc sinh ca anh ôi, hội Liên-trì với đón khách thanh-tu, miền Việt-nam pháp nhạc vang lừng

nơi Giáo-hội trông mong ngôi Kỳ-túc. Ngửa trông tòa báu cúi dãi lòng son.

Nhớ Tồ xưa : Thuyền độ song tu, từ bi phở ỉ, lúc tuổi trẻ thấy cuộc đời giả hợp, cửa Không-môn gắng chí tu-hành, buổi trung-niên nom nhẽ thái phù hư, đường chính đạo gia công khai hóa, nào dảng kinh, nào xam thuyên, nào duyệt luật, tuổi tuy già mà chí khí tinh cần, nào làm chùa nào mở cảnh, nào đúc chuông, cửa dẫu ít mà chùa chiền xáng khải, lên Hà-nội Trung-nương Quán sứ, hạ chín tuần nhậm chức giáo-sư, về địa phương kết tập tăng-già, khắp toàn hạt suy tôn tá-lý, nên thuyên-học tu bởi tài-chính, trước Tồ đã tận lực phù tăng, việc kể dảng phó thác có người, nay pháp-tử xá tài báo hiếu, nhân đã tốt quả càng thêm tốt, hiền Trung-uơng muôn kiếp chói lòa. Thầy đã hay trò lại thêm hay, quyền thuyên phá ngàn thu rực rỡ, những tưởng nay đương buổi ma cường đạo nhược, chắc Tồ còn Nam độ truyền kinh, nào ai ngờ hành mẫn quả viên, theo Pháp chủ đã Tây-qui phất tu, hay Tồ thấy buổi đời mây khói, người năm châu tương tặc tương tàn, nên Tồ về cực-lạc tiêu dao, sea chín phẩm vô nhân vô ngã. Hội chúng tôi mến đức nhớ người, bản khoấn tắc dạ, ngộ pháp tọa không người huy chủ gió kim phong lạnh lẽo chiếu Bồ-đoàn, trông già-viên vắng khách tài-tùng, giọt dòng tuyết héo hơn cảnh Bảo-thụ.

Thời thời thời, cuộc phù thế trăm năm ai là đủ, sắc Hý-tràng bầy xóa tự xưa nay, cảnh Niết-bàn bốn tướng vẫn là không, đường sinh tử tự như nào quả ngại, nhớ những lúc Tồ dảng đàn thuyết pháp, tiếng pháp âm còn phảng phất ra vẫn, tưởng những khi Tồ liếp chúng đấm kinh, hôn đạo đức vẫn mơ màng nhược tại. Thời từ đây nước Cực lạc thêm ngôi Bồ-tát, hội Bắc-kỳ vắng mặt Đạo-sư, nỗi phân ly giấy ngấn tá khôn cùng, trước bảo-lạ tâm hương xin đính chúc :

Nam-mộ sinh Tịnh-độ Bồ-tát ma-ba-tát.

Thái-hòa kính soạn

# VĂN UYÊN

## THỨ NHẤT TU TẠI GIA

Một chữ tu xưa lại rē ba

Tu nghĩa là tu bỏn phận ta,  
Phải nên tu trước ở trong nhà.  
Rường nuôi cha mẹ theo khuôn phép,  
Thảo thuận anh em giữ nếp na.  
Đối lữ cháu con lòng thảo thuận,  
Đãi người lời tớ bụng khoan hòa,  
Gái giai lu được cho tròn vẹn,  
Phật lực là lâm đó chẳng xa.

## THỨ HAI TU CHỢ

Hiếu đễ nên tu trước ở nhà,  
Thứ hai tu chợ dám sai ngoa.  
Đấu, thưng dong gạt cho bằng phẳng,  
Cán, thước lờng đo quý thực thà.  
Làm thiếu lấy thừa tuồng quý quai,  
Dong đầy bán vức lối linh ma.  
Một vira hai phải cho chân chính,  
Chẳng khác gì tu cửa Thích-Ca.

## THỨ BA TU CHÙA

Muôn đời giới cho đến tuổi già,  
Quy y nương tựa cửa Di-đà.  
Tay lẩn hạt, nghĩ câu vô ngã,  
Miệng niệm kinh xuy nghĩa lợi-tha.  
Sả hết tham, sân, si, ái, dục.  
Vo tròn trung hiếu liết trình hòa,  
Nam-mô lu trọn lòng từ thiện.  
Mới biết mùi thuyền cứu phàm hoa.

Nguyễn-Văn-Ruật

## TÂY - VỤC KÝ

Đến năm Vĩch-vi quả nhiên vua Giới-nhật chết, Ấu-độ đói loạn, đúng như lời bồ-tát bảo, đó là sự về sau.

Nhắc lại hồi đó là đầu tháng riêng, tục ở bên ấy, cứ đến tháng này thì tăng tục đến chùa bồ-đề lễ Sá-lị Phật. Pháp-sur cũng cùng ngài Thắng quân cùng đến xem Xá-lị, thấy viên thì to viên thì nhỏ, viên to bằng hòn ngọc châu, sắc đỏ phơn phớt, viên thì nhỏ bằng hạt đậu, sắc đỏ mà nhuần nhả lắm. Chúng dâng hương dâng hoa tán lễ xong, lại để xá-lị vào trong tháp. Tối hôm ấy ngài Thắng quân bảo rằng : đệ-tử thấy xá-lị ở các nơi thì chỉ to bằng hạt gạo mà xá-lị ở đây, làm sao mà to lớn đến thế, chẳng hay ý pháp-sur có nghi gì không ? Pháp-sur nói :

Huyền-trang cũng ngờ như thế. Đang khi bàn bạc, hốt nhiên không thấy bóng đèn sáng ở trong nhà nữa mà xuất cả trong ngoài đều sáng rực, lấy làm lạ quá, cùng ra ngoài xem, thì ra ánh sáng ở tháp xá-lị phóng ra, chiếu khắp trời đất, có đủ ngũ sắc, nhìn lên trên trời, trông xuống đất đều sáng quắc một màu, không có giăng sao gì cả, lại thấy mùi thơm lạ sực nức cả nhà, bấy giờ nước cùng mách bảo nhau rằng xá-lị hiện thần biến lạ, mọi người biết tin lại họp cả trước tháp mà lễ bái, than thở là sự hiếm có. Trải qua một thời gian lâu bằng bữa ăn, hào quang mới dần dần thu lại, lúc gần hết lại còn lượn quanh tháp mấy vòng nữa rồi mới tắt hẳn, trời đất lại tối, giăng sao lại hiện, chúng thấy thế rồi, đều sạch mỗi ngờ, cùng lễ cây bồ-đề và các thánh tích.

Vừa đúng 8 ngày, Pháp-sur lại về chùa Lạc-đà, ngài Giới-hiền liền bảo Pháp-sur dâng nhiệp-đại-thừa-luận và duy-thức quyết-trạch cho đại chúng nghe.

Bấy giờ có một vị đại đức là Sư-tử-quang dâng Trung-luận và Bách-luận cho chúng nghe trước, có kể mấy chỗ ra đề phá nghĩa Du-già.

Pháp-sur đã thông Trung-luận, Bách-luận, lại thấu

nghĩa sâu Du-già, cho rằng thành nhâu sáng lập ra các giáo-pháp, đều tùy có mỗi pháp nói một cách khác mà vẫn không có ngại gì nhau, người mê hoặc không hiểu đến chỗ dung-thống, lại cho là ngang trái nhau, đó là lỗi tại người truyền pháp, chứ không phải lỗi tại pháp. Pháp-sư phần thì thương ông Su-tử-quang hẹp hòi không hiểu nghĩa, phần thì lo sai lầm pháp, mới đi lại căn vặn những chỗ thiên kiến, ông Su-tử-quang không trả lời nổi, vì thế, đồ chúng tan dần mà quy theo Pháp-sư.

Pháp-sư lại nói cho rõ cái ý-chỉ Trung-luận Bạch-luận, chỉ phá cái chấp biến-kế, không nói đến chỗ y-tha khởi tính và viên-thành-thực tính, ông Su-tử-quang không ngộ, cho là hết thầy không có gì cả, là cho cả cái tính Viên-thành-thực của Du-già-luận đã lập nên kia, cũng phải bác đi tất. Pháp-sư muốn hòa-hợp cả hai tôn làm một, không hề ngang trái nhau, mới làm bộ Hội-tôn-luận, soạn ngàn bài tụng.

Làm xong đưa trình cụ Giới-hiền và đại chúng xem, ai cũng khen là hay lắm, và cùng vâng theo, ông Su-tử-quang lấy làm hồ thẹn lắm, mới bỏ đi ra chùa Bồ-đề, kiếm được một người bạn đồng học ở Đông-ấn-độ tên là Chiên-đa-la, nhờ đến cãi lý với Pháp-sư, mong rửa được cái vết sấu hồ trước. Khi người bạn đến, trông thấy Pháp-sư đã chịu phục rồi, không dám nói năng gì cả, vì thế tiếng khen Pháp-sư lại càng lừng lẫy.

Nguyên trước khi ông Su-tử-quang chưa đi, vua Giới-nhật có tạo một cái tinh xá bằng đá hoa ở chùa Lan đà, cao hơn mười trượng, các nước đều biết cả.

Sau khi vua đi thân chinh nước Cuog ngự đá, đồng quâu ở nước Ô đờ, tặng đồ nước ấy đều học theo tiền thừa cả, không tin đại thừa, và cho phải đại thừa là phải không hoa ngoại đạo.

Khi thấy vua lại liên tỏ ý chê vua rằng : nghe nói nhà vua làm một cái tinh xá ở chùa Lan đà bằng đá hoa, công quả rất cháng lệ vĩ đại, làm sao vua



không làm ở chùa Ba ly ngoại đạo, mà lại làm ở đây.

Vua nói : Ba ly ngoại đạo so với Lạn đà thế nào được.

Nguyên xưa kia ở vùng Nam-ấn-độ có một thầy Bà-la-môn tên là Bát-nhã cục đà, thông xuất nghĩa bộ Chính-lượng có làm ra một bộ sách gọi là Phá-đại-thừa luận, có bảy trăm bài tụng, các thầy ở phái Tiểu thừa đều quý trọng thâm phục cả, bấy giờ các sư mới đưa bộ luận ấy cho vua Giới-nhật xem và nói rằng :

Tôn của chúng tôi như thế, chắc không có một người ở phái đại thừa nào phá nổi được một chữ ? Vua nói :

Tôi nghe con cáo đi trong đàn chuột, tự cho mình mạnh hơn con sư tử, đến lúc thấy con sư tử, thì hồn siêu phách lạc, các sư chưa gặp các vị đại đức bên đại thừa, cho nên cứ cố thủ cái tôn chặt hẹp của mình, nếu khi gặp rồi, tôi tưởng cũng thế. Các sư nói :

Nếu vua còn ngờ, sao không họp cả hai phái lại mà quyết phải trái xem. Vua nói :

Sự đó có khó gì. Nói rồi tức thì viết thư cho sứ giả đem về chùa Lan-đà dâng ngài Chính-pháp-tạng rằng :

Đệ tử đi đến nước Ô đờ, thấy các sư về phái Tiểu thừa, chỉ cố chấp cái kiến thức hẹp hòi, làm ra các bài luận phỉ báng Đại thừa, lời lẽ quá khích bất cần nhân tình, lại còn muốn dương vấy, đòi cãi lý với các cụ.

Đệ tử biết rằng các bậc đại đức trong chùa đều là bậc tài trí có thừa, môn nào cũng biết; cho nên dám hứa ngay, vậy kính sai sứ giả dâng thư này, xin sai bốn vị đại đức, kiêm thông các tôn nội ngoại, tới nước Ô đờ để hiền rõ chính, pháp.

Cụ Pháp-tạng được thư, liền họp chúng kén chọn, công cử ba vị Hải-tuệ, Trí-quang, Sư-tử-quang và Pháp-sư là bốn vị đi ứng mệnh vua.

Các ngài Hải tuệ đều lo. Pháp sư nói: các bộ tam tạng tiêu thừa, Huyền trang khi còn ở nước nhà và khi qua các nước Ca thấp Di la, đều đã học cả, đã hiểu rõ các tôn rồi, nay họ định lấy giáo nghĩa tiêu thừa mà phá nghĩa đại thừa, thực không có lẽ. Trang tuy học ít tài hèn, cũng đủ đương với họ, xin các đại đức chớ lo.

Nếu có thua họ, cứ mặc nhà sư Chi na chịu cả, không quan hệ gì đến ai.

Mọi người nghe đều lấy làm mừng lắm. Xếp đặt vừa xong, thì hôm sau lại tiếp được thư của vua hoãn lại, lúc nào tái thỉnh lại sang.

Bấy giờ lại có một thầy Thuận-thế ngoại đạo đến hỏi vặn các điều khó, viết đủ 40 câu hỏi, treo lên cửa chùa và đánh cuộc rằng:

Nếu phá được một điều thì xin chém đầu ta.

Qua ba bốn hôm ngày, không có ai ra đáp cả.

Pháp sư mới sai một người hầu ra bóc cái giấy gián hỏi vặn xuống sẽ tan ra và lấy chân vò nhàu đi. Chàng ngoại đạo cả dạn hỏi rằng:

Mày là người nào mà dám làm bậy như vậy? Người hầu nói: Ta là đầy tớ ngài Ma-ha-gia na-đề-bà đây. Chàng ngoại đạo cũng đã biết tiếng Pháp-sư, nên thôi không nói gì nữa.

Pháp-sư cho gọi chàng vào đưa đến trước mặt cụ Giới-hiền, và thỉnh các vị đại-deức đến chứng kiến, rồi mới cùng chàng cùng bàn, lật tới đến tận cõi dễ, lật đồ cái nghĩa nhân làm của các nhà ngoại đạo, lời bác như sau này: Như bốn giòng Bồ đà ngoại đạo, Eý-hệ ngoại đạo, Lâu-nam ngoại đạo, Thù-chương-già ngoại đạo thì hình thức ăn mặc khác nhau, còn hai giòng Số-luận ngoại đạo, Thắng-luận ngoại đạo thì lập nghĩa có chỗ khác nhau

解脫永離生死，得到彼岸，亦爲無常之所遷變；過去亦有五通仙人，淨修其戒，壽無量劫，悉歸無常；往昔亦有無量轉輪聖王，及諸小王，七寶具足，無所乏少，亦復無常；我於過去，無量世中，作諸國王，以頭目髓腦，及以手足，國城妻子，象馬七珍，宮殿樓觀，五樂之具，一切布施，我於爾時，兼修淨戒，無所虧損；若有人來求，是諸物，歡喜施與，不生嗔心，亦無嫉意，勇猛精進，身心不懈，深修禪定，解脫三昧，以深利智，廣大之

智無礙無等，甚深智慧，具足如是無量功德。我行菩薩道時，以是功德坐菩提樹下，以金剛心而立誓言，不起此坐，當破四魔，得一切種智，十力四無所畏，十八不共法，適發此念，天魔波旬將諸兵器仗嚴，飭繞菩提樹面，各三十二由旬，而作惡念：我以此兵器，必壞是人，令不成道。我爾時伸手按地，魔眾眷屬，即便破散。我知所得所覺之法，當現證驗，應得成道。爾時即集無量功德智慧，得成阿耨多羅三藐三

## PHẬT THUYẾT TU-MA-ĐỀ TRƯỜNG-GIẢ KINH HÀN

Vĩnh ly sinh tử, đắc đạo bỉ ngạn, diệc vi vô thường chi sở thiên biến ; Quá khứ diệc hữu ngũ thông tiên nhân, tịnh tu kỳ giới, thọ vô lượng kiếp, tất quy vô thường ; vãng tích diệc hữu vô lượng truyền luân thánh vương, cấp chư tiểu vương, thất bảo cụ túc, vô sở pháp thiểu diệc phục vô thường ; Ngã ư quá khứ vô lượng thế trung, tác chư quốc vương, giĩ đầu mục tủy não cấp giĩ thủ túc, quốc thành thế tử, tượng mã thất chân, cung điện lầu quán, ngũ lạc chi cụ, nhất thiết bố thí, ngã ư nhĩ thời, kiểm tu tịnh giới, vô sở khuy tổn, nhược hữu nhân lai, cầu thị chư vật, hoan hỉ thí giũ, bất sinh sân tâm, diệc vô tật ý, đứng mãnh tinh tiến thân tâm bất giải, thâm tu thuyền định, giải thoát tam muội ; dĩ thâm lợi trí, quảng đại chi trí, vô ngại vô đẵng, thậm thâm trí tuệ, cụ túc như thị, vô lượng công đức ; Ngã hành bồ-tát đạo thời, giĩ thị công đức, tọa bồ đề thụ hạ, dĩ kim cương tâm nhi lập thế ngôn : bất khởi thủ tọa, đương phá tử ma, nhất thiết chủng trí, thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp, thích phát thủ niệm, thiên ma ba tuần, tương chư binh chúng, khí tượng nghiêm sức, nhiều bồ-đề thụ diện các tam thập nhị đo tuần, nhi tác ác niệm : Ngã giĩ thủ binh chúng, tất hoại thị nhân, linh bất thành đạo Ngã nhĩ thời thân thủ án địa, ma chúng quyến thuộc, tức tiện phá tán, ngã sở tri sở đắc sở giác chi pháp, đương hiện chứng nghiệm ưng đắc thành đạo. Nhĩ thời tức tập vô lượng công đức trí tuệ, giĩ nhất niệm tương ứng tuệ, đắc thành a lốc đa la tam triệu tam bồ-đề nhi truyền pháp luận.

### VIỆT

Lia hẳn cầu sinh tử, được tới ngàn giác kia, cũng bị vô thường nó biến đổi ; Về đời quá khứ, có các người tiên, đã chứng năm môn thần thông, tu giới thanh tịnh, thọ không

biết bao nhiêu kiếp, nay về chỗ vô thường hết. Xưa kia cũng có biết bao vị truyền luân thánh vương và các bậc vua nhỏ, đầy đủ đồ thất bảo, không có thiếu gì, cũng lại vô thường nốt. Ngay như ta đây, biết bao nhiêu kiếp đời quá khứ kia, đã làm vua các nước, đem cả đầu mắt óc tủy và chân tay nước non thành quách vợ con, voi, ngựa, thất bảo, cung đèn lầu các, các đồ ngũ-lạc (năm thú vui thích của đời) đều bố thí hết. Đang lúc bấy giờ, ta tu giới hạnh thanh tịnh, không thiếu sót một tí gì, nếu có ai lại, cầu các thứ đó ta đều vui vẻ thí cho không có lòng dằn, cũng không có ý tức, dửng mẫn tình tiến, thân tâm không hề trở ngại, vào cái tu cõi thuyền định rất sâu, chừng tới giải-thoát tam muội, lấy cái trí rất sâu sa nhanh nhẹn, cái trí rộng rãi lớn lao, cái trí tuệ rất sâu, không gì sánh tầy, không gì ngăn cản nổi, mà làm đầy đủ không biết bao nhiêu công đức như thế. Khi ta tu đạo bồ-tát, lấy công đức ấy, ngồi dưới gốc cây bồ-đề, lấy tâm kim cương mà phát thệ rằng : nhất định không rời cái tòa ngồi này, mà phá tan bốn loài ma, chứng-được cái trí biết hết mọi lẽ, mười sức mạnh bốn điều không sợ và mười tám phép bất cộng, (riêng) vừa mới phát biểu cái mỗi nghĩ ấy, thì thiên ma ba-tuần đem các binh lính, các đồ binh khí, rất là nghiêm trang, rảo quanh vòng cây bồ-đề ba mươi hai do-tuần, phát mỗi nghĩ ác rằng : « ta đem binh đến đây, tất phá hoại người ấy, không cho tu thành đạo nữa ». Bấy giờ ta ruỗi tay ấn xuống đất, giọng giới quân ma, tức thì tan tác, những phép ta đã biết đã được đã hiểu, đều hiện rõ ràng, sẽ được thành đạo, bấy giờ ta liền thu góp tất cả không biết bao nhiêu công đức trí-tuệ, hợp thành cái trí tuệ nhất-niệm tương-ứng, liền thành đạo vô-thượng chính đẳng chính giác mà quay bánh xe pháp, tự về thành mình, lại về thành cho hết thầy chúng sinh.

NGÀY LỄ KHÁNH ĐẢN ĐỨC DI-ĐÀ

Tại chùa Quán-Sứ — Hanoi

**Ngày 16 tháng một ta (6 Janvier 1939)**

10 giờ chầu tụng làm lễ cúng Phật.

3 giờ chiều lễ Đại sám,

5 giờ rưới vào khóa niệm.

6 giờ lễ sám nguyện,

7 giờ rưới ban Hộ-niệm lên khóa lễ.

8 giờ rưới giăng kính Đại Di-Đà

**Ngày 17 tháng một (7 Janvier 1939)**

8 giờ sáng học sinh lớp tiểu học lên khoá lễ

10 giờ chầu tụng làm lễ lục cúng

3 giờ chiều tụng hội kính Phả-môn ]

4 giờ rưới ban Đồng-nữ lên khoá lễ 48 nguyện  
(có làm lễ nhiễu Phật, hát khúc Nam-mô và hòa nhạc,  
là khúc nhạc mới chế dùng trong nhà phật).

6 giờ rưới chầu tụng cùng các hội-viên lên khóa  
đại lễ và nhiễu Phật (có tặng kính riêng cho những vị  
dự vào lễ nhiễu Phật).

8 giờ rưới diễn thuyết về vấn đề : Nhân gian  
Phật-giáo. xin mời các giáo hữu lại lễ Phật cho đồng  
chờ được thêm long trọng.

**Ban Khánh-Tiết Hội Phật-giáo Bắc-kỳ**

Kính mời.

## PHẬT HỌC NGỤ NGÔN

### Người rõ không biết mình rõ

Tại một xứ kia, cứ mỗi năm tất có một kỳ nhất định mưa một trận mưa độc ác, ai uống phải nước mưa độc ác ấy, tức thì hóa rồ ngay. Nhưng trận mưa độc ác đã xuống sống hồ ao chuôm, đẽa chan hòa cả, cho nên cứ đến kỳ mưa thì nhân dân cả hạt ấy đều hóa rồ hết. Người đã rồ thì không còn biết gì nữa, thối thì cõn trùn cõn truồng, lấy bùn lấy đất, chát kín cả người, cả đến các quan sang cũng như thế cả. Bấy giờ có mình ón vua, hiểu được cái cơ hóa rồ là tại nước mưa, trước khi sắp mưa, dùng nắp đậy kín giếng lại, nước mưa không chàn vào được. Trong thời kỳ ấy, chỉ uống một nước giếng ấy, cho nên khi cả mọi người đều hóa rồ, chỉ riêng có một mình vua vẫn được tỉnh táo như thường. Song những người rồ kia không tự biết mình là rồ, trông thấy vua như thờ, lại cho vua là rồ, và bảo nhau rằng : « Việc này không phải việc chơi, chúng ta phải mau mau tìm cách cứu chữa nơi được. Vua nói rằng : « Các người chớ vội lo, ta tự khắc có thuốc chữa ngay ». Vua nói xong liền đi vào trong, uống một chén nước mưa độc ác rồi đi ra, tức thì cũng hóa rồ như mọi người. Mọi người thấy thế đều mừng rỡ nói rằng : « May thay ! may lắm thay ! vua ta bấy giờ không hóa rồ nữa rồi ». Qua hạn bảy ngày, mọi người lại tỉnh lại cả, nghĩ lại những nỗi rồ rại trước, y như một rúc chiêm bao mới tỉnh, trông đến cảnh tượng trần truồng, tự nhiên đều bật cười lên, rồi sửa sang áo mũ chỉnh tề, cùng vào chầu vua. Bấy giờ vua cũng đã tỉnh rồi, nhưng cố ý giả bộ như rồ, chần truồng lem lẻo ngồi ngất ngưỡng trên người rỗng. Mọi người trông thấy ai nấy đều rụng rời. Vua mới dảng giải cho chúng hiểu hết mọi lẽ trước sau, bấy giờ chúng mới biết rõ.

### PHÊ BÌNH

Cồ nhân có câu : « Tỉnh rồi thử xem những người say, ông Lục tượng Sơn nói : Con người sinh hoạt ở trong vòng cầm thú mà không tự biết mình là cầm thú, là vì cầm thú lại coi cầm thú » xem đến chuyện người rồ không



biết mình rõ này, càng thấy những lời nói trên có cái ý vị sâu sa là nhường nao !

Chúng sinh nhầy nhụa ở trong tam giới, phóng túng cái lòng tham, sân, si, hàng ngày, hàng phút, hàng năm hàng đời, ám thăm mù mịt, như thể đêm trường, ai nấy đều chúi chặt trong vòng nhân ngã, gây nên tai vạ động đất kinh trời ghê lòng gớm mắt, mà vẫn tự hào là thần thánh tài noa, có ai đem những Đạo-nhân-tử, hiền hữu, trình-tiết ra nói, thì lại ùa vào mà chế cười riêu cợt cho là hủ, là gán. Thậm chí Phật tử Thích-ca, xá thân cầu đạo, chung cõi đại ngộ, phát minh biết bao nhiêu phép phương tiện để cứu cho đời, mà đời phần nhiều vẫn không trọng, lại còn báng bô hủy hoại, cũng đáng buồn thay ! T. C.



TÌNH RỒI, THỬ XEM NGƯỜI ĐANG ĐIỀN

## HÒA THƯỢNG PANG KHÁT

### đi thăm chùa Quê-phương và các chi Hội Phật-giáo vùng Nam

Hòa thượng Pang-Khát giáo-sư trường Đại học Páli Cao-mên ra Bắc khảo cứu Phật giáo Bắc kỳ (chùa Quán sừ Hanoi) mà Đuốc-Tuệ đã đăng tin từ số trước. Hôm chủ nhật 18-11-38 sư ông Thanh-Giản và ông cư-sĩ Phan văn Kê đã đưa Hòa thượng Pang-Khát xuống Nam-định thăm chùa Quê-phương và sư cụ Tăng-cang Pháp-chủ chùa Quê-phương.

Chín giờ sáng ó-lô tới Hải-hậu, Hòa thượng Quê-phương đưa Hòa thượng Cao-mên và chúng tôi vào yết kiến Quan Huyện, người rất có đạo tâm niềm nở tiếp chúng tôi tại phòng khách. Ngồi hẳn truyện Quan Huyện mười phút, chúng tôi cáo từ ra đi cho kịp giờ đã hẹn.

Đến đầu làng Quê-phương, cò bay phất phới ở đây chừ tăng cùng các thân hào, bỏ lão đã túc trực để đón tiếp.

Tới chùa, Hòa-thượng Cao-mên và chúng tôi vào nhà Tờ, sau khi an tọa, Hòa-thượng Quê-phương giới thiệu chừ Tăng và Bồ-lão cùng Hòa-thượng Cao-mên. Hòa-thượng Quê-phương lại ủy một vị thay người đọc chúc từ kê qua về tiền sử ngôi chùa Quê-phương và cảm ơn Hòa-thượng Cao-mên cùng phái bộ hội Phật-giáo Trung-ương đã bớt thì giờ đến thăm nơi am thanh cảnh vắng này.

Tiếp đến Hòa-thượng Cao-mên nói tiếng pháp (vì người không nói được tiếng ta) tỏ lời cảm ơn Hòa-thượng Quê-phương và các anh em giáo-hữu ở đây đã đón tiếp người một cách rất long trọng, người lại khuyên anh em nên gắng công tu đạo để cho được dững mãnh linh tiến, sư ông Thanh-giản làm thông ngôn dịch ra quốc-âm để chừ tăng và thân hào biết. Xong Hòa-

ihượng Cao-mên cùng chúng tôi lên làm lễ trước Tam bảo và đi thăm các nơi trong chùa.

Hai giờ chiều, từ đường Hòa-thượng Quế-phương, tiếp chúng tôi lại đưa Hòa-thượng Cao mên đi thăm chi Hội Phật-giáo Quần-phương-hạ, và chi hội Phật-giáo Cồ-lê. Tới những nơi này Hòa-thượng Cao mên đều tỏ vẻ hoan-hỉ. Người ước ao rằng Phật-giáo ở năm kỳ một ngày kia hợp nhất để có đủ thể lực trong công cuộc chấn hưng mà truyền-bá cái đại-đạo từ-bi, bác ái của đấng Giáo-chủ Thích ca Mâu-ni mà tạo-phúc cho quần chúng.

### SƯ ÔNG ĐỖ TRẦN-BẢO VÀ SƯ ÔNG THANH-GIẢN ĐI THAM-HỌC CAO-MÊN

Do Bà Đốc trường Phật học Cao-mên có thư thỉnh học-sinh tăng ở Huế và Hanoi sang Cao-mên tham đạo Phật bằng kinh điển tiếng Ba-ly tại kinh thành Nam-vang. Hội Bắc-kỳ cử sư ông Đỗ-trần-Bảo là bậc học rộng phái thanh niên tăng, sư ông Thanh-Giản, thông Pháp-thoại, cùng sang bên ấy tham-học. 6 giờ sáng ngày 28 Décembre 1938 (mồng 2 tháng 11, Mậu-dần) hai sư ông đã đáp xe lửa đi Cao-mên. Đạo Phật từ hơn 2000 năm phân làm 2 phái Bắc-tông và Nam-tông. Bắc-tông do chữ Phạm chuyển sang chữ Nho, thông hành ở Tàu, Việt-nam, Cao-ly và Nhật-bản. Nam tông do chữ Phạm chuyển sang chữ Ba-ly, thông hành ở Tích-lan, Diêm-điện, Xiêm, Cao-mên và Ai-lao. Bắc-tông thuộc Đại-thừa, Nam tông thuộc Tiểu thừa, 2 bên vẫn gián cách nhau bài xích lẫn nhau. Nay thời đại giao thông, 2 tông được gặp nhau, tông-chỉ sẽ điều hòa, hợp thành cơ sở đại Phật-giáo cho thế giới. Hai sư ông sang Cao-mên là bước đầu tham về Nam-tông, do từ nơi gần, sau sẽ có dịp thăm rộng sang ở các miền Nam-dương, thu thập tinh hoa đạo pháp tiếng Ba ly về làm giàu thêm cho kinh tạng Đại thừa.

# THỜI SỰ

## TIN TRONG NƯỚC

### Chỗ thăm tỉnh, nơi phụ bạc

Trong Nam-kỳ vừa mới xảy ra 2 cái án của hai lứa đôi, một là cuộc rất thảm tình, một là cuộc rất phụ bạc, thực cũng là những việc đại biến về đạo vợ chồng đời nay, nên thuật ra sau đây để treo gương cảnh giới cho trong gia đạo.

Số là một cái án vì nghèo khổ mà hai vợ chồng vui lòng cùng tự sát ở Bến-tre Bắc Nguyễn văn Hồng, 38 tuổi, vốn nghề thuyề tra, gặp được Thị-Hương 24 tuổi, kết làm vợ chồng, cái nghề buôn bán và về ở với mẹ vợ. Vốn ít, buôn thua bán lỗ, thành ra túng bấn, mẹ vợ thi tham, thấy vợ chồng Hàng kiệt cú bèn sỉ vả nhục nhằn. Hàng cực chẳng đã phải đi xa kiếm việc làm. Được mấy hôm mẹ vợ đem con gái Thị-Hương, vợ Hàng, gả cho Bắc Tốt ở Vĩnh-long. Hàng được tin về Vĩnh-long tỏ nỗi-niềm với Tốt, Tốt thương tình giã lại vợ cho Hàng. Vợ chồng gặp nhau, Hương nói là tại mẹ chứ thị vẫn trung tình với chồng. Gương vỡ lại lành nhưng lấy gì mà cùng sống với nhau, thôi đành cùng thề xin cùng chết với nhau cho sạch nợ đời khó ở thế gian cho trọn nghĩa. Thế là vợ ôm lấy chồng cho chồng cầm dao đâm, đâm chết vợ xong chồng tự đâm mình chết. Ôi vợ chồng Hồng thực là nghĩ quẩn mà thực cũng là một cái án thảm tình đáng thương. Còn một cái án ở nhà phú hào kia vẫn sống như thường mà lại lật lừa nhau. Đó là vợ chồng ông Dương văn Sách và bà Lê thị Liên, hai bên lấy nhau từ thuở bốn bàn tay trắng, có cưới nhưng không có hôn thư tại tòa. Sau 30 năm vợ tảo tần, chồng tháo vát, dựng nên, một cái gia nghiệp 60 vạn đồng. Nay ông Bách phụ tình cho bà Liên 3000 đồng bắt ký giấy và đuổi ra, Bà đã kiện tại tòa án Saigon. Xét đủ tình lý rồi, tòa xử bà Liên là vợ chứ không phải là dẫy tờ ông Sách như lời ông đã khai. Tòa bắt ông phải chia cho Bà ấy 1 phần 4 gia sản và phải cấp dưỡng mỗi tháng là 300

đồng Ôi 30 năm tinh thâm nghề thiết mà nữ phụ nhau, thói đời thực là đen bạc.

**Đức Bảo đại bị gãy chân, nhưng sẽ chữa lành được**

Đức Bảo-đại Hoàng-đế đi săn ở Đa-lạt, Ngải sảy chân ngã bị gãy chân. Máy bay đã đưa Ngải về Nam-kỳ điều-hộ. Ngải ngự tại phủ Toàn-quyền Nam-kỳ. Chiều hôm 19 Décembre, các thầy thuốc rước Ngải sang nhà thương Gall chiếu điện để xem lại chỗ xương gãy, các thầy thuốc đều lấy làm lạc quan.

**Xấp có trường dạy nữ cứu tế Xã hội**

Chính-phủ đã dự bị mở một trường y học đào tạo những viên Cán-sự vệ-sinh dưới ngạch Đông-dương Y sĩ cho đủ người giúp việc y-lễ cho dân. Nay lại có tin Chính-phủ sẽ mở thêm một trường dạy phụ-nữ về y-khoa gọi là trường Nữ Cứu-tế xã-hội (Ecole d'Assistentes Sociales). Học trò trường này phải là cô đỡ nhà nước và được học bổng mỗi tháng 40\$00. Trường dựng số tồn định là 16.160\$00.

## VIỆC THỀ-GIỚI

**Tại Pháp với cuộc Ý đòi đất đai**

Với cái cuộc hô hào đòi 3 xứ Corse, Djibouti và Tunisie một cách vô lý, dư luận nước Pháp cực lực phản đối, dân 3 xứ cũng làm biểu tình đề kháng. Nhất là dân Corse, đất cũ của Ý, họ họp 500 người làm biểu tình ở Paris, họ đã chuẩn y bản nghị quyết đòi Chính phủ Pháp đắp chiến lũy, pháo đài, đường lối hành binh tại Corse cho kiên cố việc phòng thủ. Tòa án Tunisie cũng thẳng tay kết án Ubaldo Rey là người Ý ngụ ở đó bị 3 tháng tù và 300 quan tiền phạt về tội biểu tình trái phép và sui dục các dân tộc thù ghét nhau. Về chính-phủ Anh, nghị tinh « môi hở răng lạnh », ông Chamberlain cũng tuyên ngôn ở hạ nghị viện nói Anh sẽ không bỏ lợi quyền của mình và của nước bạn. Thấy Anh, Pháp cố kết và thẳng tay đề kháng, xem ra Ý cũng đã diu dịu cuộc yêu sách quá đáng ấy. Thủ tướng Mussolini trước sau vẫn làm cái miệng « ném đất dẫu tay » đời ăn sỏi cách ngậm miệng, nghĩa là hôm vừa rồi ông đi

kinh lý mở than ở một hải đảo Địa trung hải, ông không đã động một lời nào về sự yêu sách đất đai của Pháp. Thăm ý của ông là đổ trách nhiệm cho dân Ý. Người ta đoán rằng đó là cái mẹo cao của Ý đe dọa Pháp, Anh sẽ đòi một chân hội-đồng ban trị-sự kênh Suez đó thôi.

Lại một tin nói việc Ý Đức yêu sách thuộc địa, họ lôi dư luận Anh Pháp vào Địa-trung-hải, mà kỳ thực họ định đánh một miếng lớn ở Trung Âu, Đức nhóm Ukraine để lập nên một đế quốc 125 triệu dân. Như vậy thì cái mưu mẹo ở đời chiến quốc tung hoành này, ta khó mà quyết đoán việc trong màn kín của họ được.

### TẠI ĐÔNG Á

Bản hiệp ước Pháp, Xiêm thân thiện về kinh tế đã được Nghị viện Pháp tán thành, thế là mẹ nam Đông dương sẽ được yên. Nhưng mẹ bắc Đông Á thì Nga với Nhật lại có việc lôi thôi về sự tranh quyền đánh cá ở bờ Pehring, bờ Okhotsk và bờ Nhật-bản, chưa điều đình xong. Phía Tây nước Tàu thì Anh Pháp và Mỹ hợp tư bản mở đường kinh tế cho Tàu về mấy tỉnh mẹ tây. Đó cũng là cái kế báo thù Nhật đã dùng chính sách « ăn độc » ở Tàu mà ngăn cấm đường buôn bán các nước ở sông Dương tử giang. Còn việc quan hệ nhất là cuộc chiến tranh Trung Nhật. Bên quân Tàu, tin Trùng khánh, ngày 22 Décembre nói quân Tàu hiện đã khởi tổng công kích quân Nhật ở Quảng châu. Đoàn máy bay Tàu đến ném bom xuống sở máy bay của Nhật ở Sai thôn khu ngoài châu thành Quảng châu, về mặt Hoa trung thì vẫn trầm tịch, vì quân Nhật giữ thế thủ. Tại mẹ nam Sơn-tây, quân Tàu đã chặn đường quân Nhật kéo sang Thiềm tây.

Bên quân Nhật, họ cũng dự bị 4, 5 sư đoàn ở Hán-khâu để tiến sang mẹ tây. Lại đưa đại-đội từ Sơn-đông xuống để cứu-viện Quảng-châu. Miền nam Quảng-đông quân Nhật lại đổ bộ ở Vi-châu mà hồi trước đã bỏ. Tin ngày 22-12 Nhật cho 60 chiếc tàu chiến đến ngoài vịnh bờ Bắc-kỳ, có một mẫu hạm chở 50 máy bay, và nhiều tàu nữa đến Tong-king (?) cách Đông-dương không xa mấy.

# KÍNH CÁO

## CÁC NGÀI ĐỘC-GIẢ ĐUỐC-TUỆ

Kể từ ngày 10 Janvier 1939 trở đi bản báo dùng toàn Biên-lai mới (ở chỗ rỗng của có chữ Đuốc-Tuệ lỗi chữ cổ tự và dấu hiệu Đuốc-Tuệ; và chữ ký của Thủ-quỹ riêng Đuốc-Tuệ) là sự ông Nguyễn-thanh-Lai ký.

Các biên lai cũ từ nay không dùng nữa. Nếu vị nào giả tiền sau ngày 10 Janvier 1939 xin xem kỹ biên-lai cho đúng, nếu không có biên-lai như trên, bản báo vẫn coi là chưa giả. Xin các ngài chú ý cho.

Xin các ngài Đại-lý các ông phải viên thu hết các biên-lai cũ về ngay cả cho.

Bản báo còn lại mấy số báo, từ số 76 đến số 99 vừa đủ một năm 24 số, 1er Janvier đến 15 Décembre 1938. Nay đã đóng thành tập vị nào lại báo quán mua xin lĩnh 1\$50 (cả tập) ở xa thêm 0\$30.

Cả 24 số không đóng 1p20 ở xa 1p30. Đuốc-Tuệ

### Việc làm chùa Hội-quần Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên lãng gởi ngày 19 Octobre và biên-bản hội đồng Quần-trị ngày 24 Octobre 1937 thì các hội viên trong hội điều cùng góp mỗi vị một đồng 1\$00 để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quần.

Vậy xin đăng phương danh các vị hội viên chi hội Ngọc-nha Hưng-yên đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tín, thập-phương chứng giám.

Các ông: Nguyễn duy Tiền, Nguyễn duy Tôn, Trần xuân Hạ, Trần huy Chất, Nguyễn văn Diêm, Nguyễn văn Sung, Nguyễn văn Viêm, Lê văn Hành, Đặng văn Diêu, Nguyễn văn Vãn, Nguyễn văn Kinh.

Các bà: Trần thị Mão, Nguyễn thị Vòng, Trần thị Thi, Hoàng thị Gi, Lê thị Tuyển, Lê thị Tạo, Đỗ thị Tuệ, Lê thị Luyến, Nguyễn thị Ty, Nguyễn thị Ty, Nguyễn thị Ty, Nguyễn thị Ty, Nguyễn thị Ty, Nguyễn thị Ty, Nguyễn thị Ty, Nguyễn thị Ty, Nguyễn thị Huyền, Nguyễn thị Hiền, Nguyễn thị Hiền, Hoàng thị Thâu.

# HỘP THƠ

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng Mandat)

M. M. Lê tấn Huệ Gò công (76-99)	1\$50
Dương văn Gông Trà vinh (53-83)	1.50
Trần mạnh Đản Quảng bình (70-99)	2.00
Hồng Lâm Hảiphong (76-99)	1.50
Vũ An Sùng Hảidương (76-99)	1.50
Đào văn Cáo Kiều an (76-99)	1.50
Nguyễn văn Suy Pursat (53-91)	2.00
Nguyễn hữu Chung Vientiane (76-99)	1.50
Kim Cang Thiện sĩ Mỹ-tho (53-76)	5.00
Huỳnh ngọc Kỳ Phnom Penh (99-122)	1.50
Trần kim Chi Châu đốc (96-119)	1.50
Nguyễn văn Chức Hatiên (76-99)	1.50
Nguyễn văn Tỵ Hảidương (53-116)	3.00
Cao huy Địch Nam định (76-89)	1.00
Phạm bài Nguyễn Thái bình (76-99)	1.50
Đồng văn Taur Thái bình (88-109)	1.50
Cao văn Sấm Long xuyên (76-09)	1.50
Nguyễn trần Mô Vĩnh yên (1-113)	4.50
Lã đình Liễn Vientiane (76-99)	1.50
Nguyễn thành Dục Tam quan (99-122)	1.50
Đặng Chuẩn Huế (53-92)	2.00
Lê gia Tập Huế 1-53)	2.00
Thích nữ Diệu Tâm Huế 96-107)	0.80

Ông ở Đông triều Hảidương — Tiếp được mandat série 02:181 N° 188 — 1\$50, xin ngài cho biết rõ lên để tiện việc sổ sách, cảm ơn.

Ông Kim Cang Thiện-sĩ Mỹ-tho. — Tiền báo ông còn thiếu 5 năm nữa là 7\$50. Đuốc-Tuệ

Kính thưa các độc giả hạt Tiên-hưng tỉnh Thái bình. Từ nay bản báo có nhờ ông Nguyễn bá Biên thứ ký chỉ hội Phật-giáo Tiên-hưng làm Đại-lý và cổ động cho bản báo. Vậy xin các độc giả trong hạt có hỏi điều gì hoặc giả tiền xin cứ giao cho ông ấy mà lấy biên lai.

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản lý CUNG-ĐÌNH-BÌNH